

Số: 165/BC-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Tình hình hoạt động nhiệm kỳ 2018-2023 và định hướng nhiệm kỳ 2023-2028 của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022

I. TÓM TẮT TÌNH HÌNH

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị năm 2022

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na (HĐQT) năm 2022 gồm 05 thành viên trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách; 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm làm việc ở cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và 01 thành viên HĐQT độc lập.

Danh sách Hội đồng quản trị năm 2022 như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 19/4/2018 đến nay
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT, Giám đốc	Từ ngày 19/4/2018 đến ngày 31/12/2022
3	Bùi Huy Thành	TV HĐQT, Giám đốc	Từ ngày 01/01/2023 đến nay
4	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT, Phó giám đốc	Từ ngày 19/4/2018 đến nay
5	Lê Hải Long	TV HĐQT	Từ ngày 19/4/2018 đến nay
6	Vũ Văn Tâm	TV HĐQT độc lập	Từ ngày 19/4/2018 đến nay

Các thành viên HĐQT kiêm nhiệm và thành viên HĐQT độc lập đều đang nắm giữ các cương vị lãnh đạo ở các Cổ đông và có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý chỉ đạo sản xuất kinh doanh điện.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022.

Năm 2022, Hội đồng quản trị tiến hành 04 cuộc họp và ban hành 62 Nghị quyết, Quyết định, cụ thể: Ban hành 12 Nghị quyết và 50 Quyết định. Các Nghị quyết/Quyết định được ban hành tại các cuộc họp và theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên Hội đồng quản trị để quản lý, quản trị, điều hành hoạt động của Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HHC-HĐQT	10/01/2022	Thành lập ban tổ chức Lễ kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na (16/5/2007-16/5/2022)
2	02/QĐ-HHC-HĐQT	12/01/2022	Phê duyệt dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp vật tư thiết bị sửa chữa định kỳ các hệ thống thiết bị công nghệ của Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2022
3	03/QĐ-HHC-HĐQT	18/01/2022	Kiện toàn Tổ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành công trình thủy điện Hòa Na
4	04/QĐ-HHC-HĐQT	18/01/2022	Tạm trích Quỹ thưởng của Người quản lý Công ty từ lợi nhuận năm 2021
5	05/QĐ-HHC-HĐQT	19/01/2022	Phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong năm 2022 của nhà máy thủy điện Hòa Na
6	06/QĐ-HHC-HĐQT	20/01/2022	Phê duyệt dự toán chi phí kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các hệ thống thiết bị công nghệ Nhà máy năm 2022
7	07/QĐ-HHC-HĐQT	24/01/2022	Chi quỹ thưởng của Người quản lý Công ty
8	08/QĐ-HHC-HĐQT	26/01/2022	Sửa đổi Khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 52/QĐ-HHC-HĐQT ngày 27/12/2021 của HĐQT về việc phê duyệt và ban hành Quy chế trả lương của Người lao động
9	08/QĐ-HHC-HĐQT	27/01/2022	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Quan trắc biến dạng các hạng mục công trình chu kỳ 3 Nhà máy thủy điện Hòa Na
10	09/QĐ-HHC-HĐQT	10/02/2022	Thành lập ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

11	10/QĐ-HHC-HĐQT	15/02/2022	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Quan trắc biến dạng các hạng mục công trình chu kỳ 3 Nhà máy thủy điện Hủa Na
12	11/QĐ-HHC-HĐQT	15/02/2022	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hạng mục một số hạng mục công trình hoàn thành năm 2019-2020 tại Nhà máy thủy điện Hủa Na
13	12/QĐ-HHC-HĐQT	16/02/2022	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na
14	01-2022/NQ-HHC-HĐQT	16/02/2022	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ quý 01 năm 2022
15	13/NQ-HHC-HĐQT	16/02/2022	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
16	14/QĐ-HHC-HĐQT	25/02/2022	Thành lập tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư thiết bị sửa chữa định kỳ các hệ thống thiết bị công nghệ của nhà máy thủy Hủa Na năm 2022
17	15/QĐ-HHC-HĐQT	02/03/2022	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư thiết bị sửa chữa định kỳ các hệ thống thiết bị công nghệ của nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2022
18	16/QĐ-HHC-HĐQT	04/03/2022	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các hệ thống thiết bị công nghệ nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2022
19	17/QĐ-HHC-HĐQT	10/03/2022	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các hệ thống thiết bị công nghệ nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2022
20	18/NQ-HHC-HĐQT	10/03/2022	Thông qua Chương trình công tác trọng tâm năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na
21	20/QĐ-HHC-HĐQT	12/05/2022	Chi thưởng của Người quản lý nhân dịp sinh nhật Công ty
22	21/QĐ-HHC-HĐQT	13/05/2022	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na
23	22/QĐ-HHC-HĐQT	13/05/2022	Phê duyệt chi phí hoạt động năm 2022 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ & Tái định cư

24	23/QĐ-HHC-HĐQT	27/05/2022	Phê duyệt dự thảo Hợp đồng soát xét BCTC cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 và kiểm toán BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
25	24/QĐ-HHC-HĐQT	13/06/2022	Phê duyệt kế hoạch sử dụng Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
26	25/QĐ-HHC-HĐQT	13/06/2022	Phê duyệt báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu nâng cấp, cải tạo tuyến đường vận hành VH4 tại nhà máy thủy điện Hòa Na
27	26/QĐ-HHC-HĐQT	29/06/2022	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Xây dựng bổ sung hệ thống cấp nước sinh hoạt và sản xuất khu vực nhà máy
28	27/QĐ-HHC-HĐQT	11/07/2022	Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na giai đoạn 2021-2026
29	28/QĐ-HHC-HĐQT	11/07/2022	Phê duyệt kết quả quy hoạch cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na giai đoạn 2026-2031
30	29/QĐ-HHC-HĐQT	18/07/2022	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Nâng cấp, cải tạo tuyến đường vận hành VH4 tại Nhà máy thủy điện Hòa Na
31	02-2022/NQ-HHC-HĐQT	21/07/2020	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ quý 02 năm 2022
32	30/NQ-HHC-HĐQT	21/07/2022	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022
33	31/NQ-HHC-HĐQT	25/07/2022	Thông qua chủ trương giới thiệu nguồn nhân sự tại chỗ, đối với chức vụ Kế toán trưởng và Trưởng Ban kiểm soát Công ty
34	32/QĐ-HHC-HĐQT	27/07/2022	Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Nâng cấp, cải tạo tuyến đường vận hành VH4 tại Nhà máy thủy điện Hòa Na
35	33/QĐ-HHC-HĐQT	24/08/2022	Phê duyệt dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ công tác sửa chữa lớn nhà máy năm 2023

36	34/QĐ-HHC-HĐQT	25/08/2022	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng bổ sung hệ thống cấp nước sinh hoạt và sản xuất khu vực Nhà máy thủy điện Hòa Na
37	35/QĐ-HHC-HĐQT	30/08/2022	Phê duyệt Quyết toán quỹ tiền lương năm 2021 và kế hoạch lao động tiền lương năm 2022
38	36/QĐ-HHC-HĐQT	30/08/2022	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng bổ sung hệ thống cấp nước sinh hoạt và sản xuất khu vực Nhà máy thủy điện Hòa Na
39	37/QĐ-HHC-HĐQT	08/09/2022	Nhiệm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Võ Trung Chính
40	39/QĐ-HHC-HĐQT	13/09/2022	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với bà Trần Thị Thu Hà
41	40/QĐ-HHC-HĐQT	13/09/2022	Xếp mức lương tháng đối với ông Võ Trung Chính - Trưởng Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023
42	41/QĐ-HHC-HĐQT	27/09/2022	Kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Kỷ luật Công ty
43	42/QĐ-HHC-HĐQT	07/10/2022	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ công tác sửa chữa định kỳ Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2023
44	43/QĐ-HHC-HĐQT	14/10/2022	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác sửa định kỳ nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2023
45	44/QĐ-HHC-HĐQT	19/10/2022	Phê duyệt dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp vật tư thiết bị dự phòng chiến lược Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2022
46	45/NQ-HHC-HĐQT	04/11/2022	Thông qua chủ trương điều động và bổ nhiệm cán bộ tại các Phòng, Phân xưởng Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
47	46/NQ-HHC-HĐQT	07/11/2022	Thông qua chủ trương bổ nhiệm cán bộ tại các Phòng/Phân xưởng Công ty
48	47/QĐ-HHC-HĐQT	10/11/2022	Phê duyệt dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2023

49	48/NQ-HHC-HĐQT	11/11/2022	Thông qua chủ trương bổ nhiệm cán bộ Công ty
50	49/NQ-HHC-HĐQT	11/11/2022	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022
51	50/QĐ-HHC-HĐQT	14/11/2022	Phê duyệt giá trị bảo hiểm, phí bảo hiểm vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na thời hiệu 2022-2023 và nội dung Phụ lục bổ sung Hợp đồng số 58/2021/HĐ-HHC-BHBV-BIC-VNI ngày 09/12/2021
52	51/QĐ-HHC-HĐQT	01/12/2022	Phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cải tạo, nâng cấp hệ thống điều khiển DCS, hiệu chỉnh và thử nghiệm kết nối hệ thống AGC
53	52/QĐ-HHC-HĐQT	05/12/2022	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp Vật tư thiết bị dự phòng chiến lược nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2022
54	53/QĐ-HHC-HĐQT	12/12/2022	Phê duyệt danh sách các Tổ chức tín dụng được Công ty lựa chọn để thực hiện tiền gửi
55	54/QĐ-HHC-HĐQT	13/12/2022	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư thiết bị dự phòng chiến lược Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2022
56	04-2022/NQ-HHC-HĐQT	16/12/2022	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 04 năm 2022
57	55/QĐ-HHC-HĐQT	21/12/2022	Tạm phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng an toàn thực hiện năm 2022 của Người quản lý và Người lao động của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
58	56/QĐ-HHC-HĐQT	21/12/2022	Tạm trích Quỹ khen thưởng - Phúc lợi và Quỹ thưởng Người quản lý Công ty từ lợi nhuận năm 2022
59	57/QĐ-HHC-HĐQT	21/12/2022	Tạm phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
60	59/NQ-HHC-HĐQT	28/12/2022	Miễn nhiệm, bổ nhiệm Chức vụ Giám đốc Công ty
61	65/QĐ-HHC-HĐQT	28/12/2022	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với ông Trịnh Bảo Ngọc
62	66/QĐ-HHC-HĐQT	28/12/2022	Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với ông Bùi Huy Thành

Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty được ban hành phù hợp với các quy chế, quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty, kịp thời chỉ đạo, giám sát điều hành các hoạt động của Ban giám đốc, cán bộ quản lý.

Định kỳ hàng tháng hoặc bất thường, Chủ tịch HĐQT đã thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, các Trưởng phòng/Phân xưởng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo giải quyết, xử lý công việc trực tiếp tại cuộc họp.

Quản lý, quản trị chuyên nghiệp các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT/ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị lấy ý kiến các ủy viên/cổ đông bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết/Quyết định ĐHĐCĐ/HĐQT kịp thời.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc Công ty.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

- Quyết định, xem xét phương án sản xuất kinh doanh của Công ty từng quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2022.

- Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác vận hành nhà máy, công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị kết hợp với Quản lý tài chính, Quản lý thiết bị, vật tư, nguồn nhân lực, ... đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao.

- Giao Ban Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp với các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, ... tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn, cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2022.

- Hội đồng quản trị đưa ra định hướng đúng, các giải pháp khoa học và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát.

3. Lương, thù lao, các khoản lợi ích và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022

3.1. Lương, thù lao, các khoản lợi ích.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Tổng thu nhập (VNĐ)
1	Hoàng Xuân Thành	CT HĐQT	12	1.175.607.678
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT, Giám đốc	12	1.185.471.777
3	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT, PGĐ	12	1.072.208.621
4	Lê Hải Long	TV HĐQT (không chuyên trách)	12	101.000.000
5	Vũ Văn Tâm	TV HĐQT độc lập	12	101.000.000
	TỔNG CỘNG			3.635.288.076

3.2. Chi phí hoạt động

Tổng kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị là: 328.061.553 đồng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2022

1. Công tác sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ hoàn thành %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
1	Sản lượng điện thương mại	Tr.kw.h	630,83	828,84	131%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	680,62	1.182,32	174%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	591,99	567,91	96%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	88,63	614,41	693%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	84,20	583,47	693%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	163,14	237,11	145%
7	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	%	4%	26%	693%
8	Giá điện bình quân (trước các thuế/phí)	đ/kWh	931,06	1.277,83	137%
9	Giá thành	đ/kWh	938,43	685,19	73%

- Năm 2022, điều kiện thủy văn tương đối thuận lợi, cụ thể: Mực nước thượng lưu hồ chứa tại thời điểm ngày 01/01/2022 đạt cao trình 238,8 (chỉ thấp hơn 1,2m so với mực nước dâng bình thường 240m); Lưu lượng nước bình quân về hồ trong năm đạt 112,69 m³/s, bằng 120% so với lưu lượng bình quân nhiều năm (93,6 m³/s).

- Sản lượng điện thương mại: Với điều kiện thủy văn thuận lợi, sản lượng điện thương mại năm 2022 đạt 828,84/630,83 triệu kWh, bằng 131% kế hoạch; bằng 147% so sản lượng điện thương mại năm 2021 (563,31 triệu kWh).

- Doanh thu: Với sản lượng điện thương mại đạt được như trên, kết hợp với giá thị trường tương đối cao nên kết quả doanh thu bán điện trước thuế/phí đạt 1.059,12/587,34 tỷ đồng (giá bán điện bình quân đạt 1.277,83/970,81 đồng/kWh, cao hơn 32% giá hợp đồng), bằng 180% so với kế hoạch; bằng 174% so với năm 2021 (608,95 tỷ đồng).

- Lợi nhuận trước thuế đạt 614,41/88,63 tỷ đồng, bằng 693% so với kế hoạch, bằng 443% so với cùng kỳ năm 2021 (138,58 tỷ đồng).

- Nộp ngân sách nhà nước: Thuế và các khoản phát sinh trong năm nộp ngân sách Nhà nước đạt 237,11 tỷ đồng.

2. Công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa, đầu tư xây dựng

2.1. Công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng:

- Công tác quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên:

+ Công tác quản lý vận hành: Trong năm, nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình quản lý vận hành.

+ Công tác sửa chữa thường xuyên: Đội ngũ cán bộ, công nhân viên thường xuyên kiểm tra và tự tổ chức thực hiện trong suốt quá trình vận hành, công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đạt yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng, đảm bảo nhà máy luôn khả dụng vận hành tin cậy và an toàn.

+ Công tác thị trường điện: Tổ thị trường điện đã tính toán, chào giá đạt hiệu quả cao, khai thác được hiệu quả nguồn nước, tăng doanh thu và lợi nhuận.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ: Hoàn thành tiểu tu các tổ máy đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn lao động và về đích trước 02 ngày so với kế hoạch được duyệt. Sau kỳ bảo dưỡng sửa chữa nhà máy vận hành an toàn, hiệu quả.

2.2. Bảo trì và đầu tư công trình xây dựng:

- Công ty đã tập trung kiểm tra, rà soát các trang thiết bị phục vụ các công tác ứng phó, phòng chống thiên tai trong mùa mưa lũ; kiểm tra trang thiết bị phục vụ sản xuất; các hạng mục/công trình; khơi thông các hệ thống tiêu thoát nước; Quan trắc biến dạng chu kỳ 3 nhằm mục đích theo dõi, giám sát thực trạng vận hành của công trình đầu mối, đánh giá trạng thái làm việc theo định kỳ để có các

biện pháp, phương án xử lý kịp thời và phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra; Tập trung ưu tiên khắc phục sửa chữa, bảo trì các hạng mục/công trình có dấu hiệu xuống cấp gây mất an toàn. Do đó, trong mùa mưa lũ năm 2022, toàn bộ các trang thiết bị, công trình, hạng mục công trình, đập, nhà máy đảm bảo vận hành an toàn, không có hư hỏng và sạt lở nghiêm trọng xảy ra.

- Công ty đã hoàn thiện công tác đầu tư cơ sở hạ tầng nhà làm việc, nhà ở, khuôn viên sinh hoạt cho CBCNV tại nhà máy. Đảm bảo đáp ứng nhu cầu đời sống và làm việc cho CBCNV, thu hút lao động làm việc gắn bó lâu dài tại nhà máy.

3. Công tác lao động, đào tạo, an sinh xã hội, an ninh, an toàn vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ

3.1. Công tác lao động tiền lương:

- Tổng số lao động bình quân năm 2022 là: 116 người,

Trong đó: 96 lao động nam và 20 lao động nữ.

- Tiền lương bình quân năm 2022 là 20,91 triệu đồng/người/tháng.

3.2. Công tác đào tạo: Năm 2022, đã tổ chức triển khai thực hiện các khóa đào tạo ngắn và trung hạn cho CBCNV, cụ thể: Đào tạo nâng cao tay nghề bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ, công nhân viên Phân xưởng Vận hành - Sửa chữa; Tham gia hội nghị ATSKMT thường niên lần thứ XI & Hội thao an toàn vệ sinh lao động chống cháy nổ lần thứ XII/2022; Khóa học trực tuyến về thị trường điện; Đào tạo nâng cao năng lực vận hành thị trường điện cạnh tranh năm 2022- Chuyên gia trực tiếp; Sát hạch cung cấp chứng chỉ thợ hàn cho CBCNV; Đào tạo nghiệp vụ đấu thầu chuyên sâu qua mạng và phổ biến thông tư 08/TT-BKHĐT; Tham gia lớp học vận hành Cần trục;... với tổng kinh phí là 827,545 triệu đồng.

3.3. Công tác an sinh xã hội: Trong năm 2022, đã thực hiện công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An với tổng giá trị 1.320 triệu đồng, cụ thể như sau: Thực hiện chương trình hỗ trợ xây dựng Trường tiểu học Nam Yên thuộc xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An; hỗ trợ xây dựng Nhà tình nghĩa cho 02 hộ dân có điều kiện đặc biệt khó khăn, chưa có nhà ở kiên cố trên địa bàn xã Đồng Văn; Hỗ trợ cho Hội thương binh liệt sỹ tỉnh Nghệ An để hỗ trợ xây dựng 4 nhà tình nghĩa cho thân nhân các liệt sỹ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

3.4. Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSM:

- Thực hiện tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan Công an trong việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn; Phối hợp với Công an Nghệ An tổ chức huấn luyện nghiệp vụ công tác bảo vệ; Thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy, ứng cứu khẩn cấp, phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn không để xảy ra các vụ việc mất an ninh trật tự, mất mát tài sản, vật tư, thiết bị,...

- Công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra công tác an toàn, sức khỏe, môi trường tiếp tục được tập trung thực hiện có hiệu quả; thực hiện việc cấp phát các

trang thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ, đúng mục đích cho từng công việc; khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNVLĐ.

- Công tác PCCC luôn được Công ty chú trọng, năm 2022 đã phối hợp với Công an Nghệ An tổ chức lớp Huấn luyện bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và Cứu nạn cứu hộ cho CBCNV tại nhà máy; các phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy tự động, hệ thống chữa cháy nước vách tường, các bình bột và bình CO2 chữa cháy luôn được kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo ở chế độ hoạt động, sẵn sàng được sử dụng khi có tình huống khẩn cấp.

4. Các công việc còn lại trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án

Đến nay, đang tồn tại một số nội dung trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc giai đoạn đầu tư dự án, cụ thể: Vướng mắc 302,4ha đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm đang có rừng tự nhiên đã giao đất sản xuất cho người dân tại các điểm tái định cư ngoài thực địa nhưng phải thu hồi lại theo Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017; 129 hộ dân còn lại chưa nhận đất ruộng lúa nước để sản xuất; Công tác bồi thường xử lý chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp nơi đi và nơi đến đang thực hiện.

Hiện nay, Công ty vẫn đang tập trung phối hợp với UBND huyện/Hạt kiểm lâm huyện Quế Phong và các đơn vị có liên quan để xử lý vướng mắc trong công tác giao đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm theo quy định; tuyên truyền, vận động các hộ dân chấp thuận chủ trương nhận đất ruộng lúa nước đã khai hoang để sản xuất, sớm ổn định đời sống; tổ chức rà soát, tính toán xử lý chênh lệch giá trị đất nông nghiệp giữa nơi đi và nơi đến Dự án thủy điện Hủa Na theo hướng dẫn của UBND tỉnh Nghệ An tại Công văn số 8891/UBND-CN ngày 09/11/2022 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở giải ngân nguồn vốn theo đúng quy định.

5. Tình hình tài chính

5.1. Các chỉ tiêu chính

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tỷ lệ % 2022/2021
1	Tài sản ngắn hạn	334.054.565.645	671.628.959.060	201,05%
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	170.608.725.829	245.644.092.556	143,98%
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	200.000.000.000	
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	137.299.011.092	203.424.815.593	148,16%
-	Hàng tồn kho	24.913.220.284	21.322.139.098	85,59%
-	Tài sản ngắn hạn khác	1.233.608.440	1.237.911.813	100,35%

2	Tài sản dài hạn	3.551.349.757.025	3.268.955.974.082	92,05%
-	Tài sản cố định	3.508.002.119.065	3.230.384.518.549	92,09%
-	Tài sản dở dang dài hạn	35.404.690.088	32.344.044.404	91,36%
-	Tài sản dài hạn khác	7.942.947.872	6.227.411.129	78,40%
	Tổng tài sản (1+2)	3.885.404.322.670	3.940.584.933.142	101,42%
3	Nợ phải trả	1.103.440.714.048	582.891.655.393	52,82%
-	Nợ ngắn hạn	609.628.153.491	365.337.595.236	59,93%
-	Nợ dài hạn	493.812.560.557	217.554.060.157	44,06%
4	Vốn chủ sở hữu	2.781.963.608.622	3.357.693.277.749	120,70%
-	Vốn góp của chủ sở hữu	2.352.322.103.444	2.352.322.103.444	100%
-	Vốn khác của chủ sở hữu	64.985.781.295	64.985.781.295	100%
-	Quỹ đầu tư phát triển	12.318.667.089	12.204.520.935	99,07%
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	352.337.056.794	928.180.872.075	263,44%

5.2. Tài sản:

Nhìn chung, tài sản của Công ty có biến động giữa các năm. Tính đến 31/12/2022, tổng tài sản của Công ty năm 2022 là hơn 3.940 tỷ đồng tăng so với năm 2021. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 101,05%, tài sản dài hạn giảm 7,95%.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương với tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn 66,35%, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty. Các khoản khác lần lượt là các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho.

5.3. Nợ phải trả

Đến thời điểm 31/12/2022, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 582 tỷ đồng giảm so với năm 2021.

(Chi tiết xem Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán)

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN TỪ NGUỒN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Toàn bộ số vốn thu được từ nguồn phát hành trái phiếu được Công ty sử dụng để cơ cấu các khoản nợ của Tổ chức phát hành từ ngày 25/4/2021 đến ngày 19/8/2021:

(Chi tiết xem Báo tình hình sử dụng vốn thu được từ nguồn phát hành trái phiếu đến ngày 31/12/2022 kèm theo).

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2022, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

1. Ông Hoàng Xuân Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Chủ tịch HĐQT còn chịu trách nhiệm chỉ đạo chung trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn; dự án đầu tư quy mô lớn; công tác quản lý vốn, tài sản công ty; Công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Công tác cổ phần, cổ phiếu, quan hệ cổ đông, hợp tác đối ngoại; Công tác tổ chức bộ máy, công tác nhân sự và đào tạo, thi đua khen thưởng của Công ty; Công tác tài chính kế toán, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

2. Ông Trịnh Bảo Ngọc - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT, Giám đốc quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Trịnh Bảo Ngọc đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; đưa ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, định hướng đúng đắn nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên HĐQT, Giám đốc quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

Tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na bất thường lần 2 ngày 28/12/2022, Đại hội đã miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Trịnh Bảo Ngọc kể từ ngày 01/01/2023 và bầu bổ sung ông Bùi Huy Thành là thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 01/01/2023.

3. Ông Nguyễn Xuân Sơn - Thành viên HĐQT, Phó giám đốc

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Nguyễn Xuân Sơn đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật. Trực tiếp phụ trách lĩnh vực: Xây dựng các quy chế và quy định quản lý nội

bộ; Các chế độ chính sách đối với người lao động, định mức lao động, tiền lương; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Công ty; công tác pháp chế, kiểm soát nội bộ; công tác phát triển kỹ thuật, khoa học và công nghệ; công tác văn hóa doanh nghiệp.

4. Ông Lê Hải Long – Thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Lê Hải Long đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

5. Ông Vũ Văn Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Vũ Văn Tâm đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

V. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc và người điều hành khác (gọi chung là Ban điều hành) trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Ban điều hành, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban điều hành Công ty.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo HĐQT về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Trong năm 2022, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế tài chính đã đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần tích lũy được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, ổn định thu nhập cho người lao động.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022, HĐQT Công ty đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

a. Các chỉ tiêu chính:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	645,79
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	733,47
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	572,09
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	161,38
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	153,31
6	Đào tạo (110 lượt người)	Tỷ đồng	1,495
7	Giá thành	Đồng/kWh	885,88
8	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	173,77
9	Lao động	Người	117
10	Quỹ tiền lương, thưởng vận hành (tạm tính)	Tỷ đồng	49,10

b. Các nhiệm vụ chính cần thực hiện:

- Tổ chức quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na luôn đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để vận hành phát điện nhằm tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận trong thị trường điện cạnh tranh, thanh toán kịp thời tiền bán điện hàng tháng.

- Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật; định mức/danh mục vật tư, thiết bị dự phòng; kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng theo quy định để đảm bảo an toàn các hạng mục công trình trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tuân thủ chặt chẽ nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công tác tài chính.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Cân đối dòng tiền đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Công tác đầu tư xây dựng

- Tập trung cao độ, phối hợp với chính quyền địa phương để sớm hoàn thành các công việc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, đặc biệt là công tác giao đất và bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất.

- Hoàn thành quyết toán phần còn lại của dự án sau khi hoàn thành các nội dung nêu trên.

4. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.

- Luôn duy trì, thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như: Thăm hỏi tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà đồng bào tái định thuộc dự án thủy điện Hòa Na trong các dịp lễ, tết; Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn; Tham gia các chương trình xây dựng các công trình nhà cộng đồng, trường học tại vùng sâu, vùng xa, ...

- Tham gia các sự kiện về môi trường như: Tham gia các sự kiện quốc tế: giờ trái đất và ngày môi trường thế giới; Thực hiện các khóa đào tạo tại chỗ để tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Về phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng người lao động để đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố.

- Tăng cường thực hiện các công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khuyến khích tạo điều kiện cho CBCNV tích cực tham gia các phong trào nghiên cứu, cải tiến trong sản xuất; nâng cao năng lực quản lý của Công ty; tuân thủ các quy định của Nhà nước, Tập đoàn/Tổng công ty.

- Tổ chức giao lưu, tổ chức các buổi hội thảo theo từng chuyên đề liên quan với các đơn vị trong ngành để trao đổi, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm để phục vụ công tác vận hành, sửa chữa thực tế tại nhà máy.

- Đưa ra các chính sách khen thưởng động viên kịp thời đối với những công nhân viên ưu tú, nhiệt tình, tích cực học tập, có sáng kiến, đưa lại hiệu quả cao.

2. Về các điều kiện vận hành nhà máy

- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn, giá thị trường điện và Qc giao để có kế hoạch chào giá và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu.

- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và sự cố. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị bảo dưỡng, sửa chữa rà soát để có biện pháp xử lý kịp thời mọi tình huống bất thường xảy ra đối với thiết bị, đảm bảo hạn chế mức thấp nhất sự cố.

- Triển khai đôn đốc thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.

- Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2023 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.

3. Về công tác tài chính

- Tập trung triển khai các giải pháp thu hồi công nợ tiền điện từ EVN/EPTC để thanh toán tiền điện hàng tháng kịp thời theo Hợp đồng, nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường kiểm soát chi phí/giá thành, rà soát thường xuyên định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với thực tế và thực hành tiết kiệm.

- Tăng cường công tác quản lý vốn, tài sản hợp lý có hiệu quả. Đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư mới.

4. Về công tác quản trị

- Rà soát, sửa đổi/bổ sung, hoàn thiện các hệ thống Quy chế, Quy định, Nội quy, định mức kinh tế kỹ thuật (các văn bản quản lý nội bộ) nội bộ của Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đơn vị.

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong quản trị và điều hành doanh nghiệp, trong công tác quản lý vận hành Nhà máy.

- Nâng cao công tác quản trị, quản lý, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn tài chính; Đẩy mạnh tiết giảm chi phí, tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm giá trị tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Hỗ trợ và phối hợp cùng Ban giám đốc Công ty kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất cho Công ty, lợi ích cao nhất cho các Cổ đông.

C. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2018-2023 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM KỲ 2023-2028

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2018-2023

1. Tổ chức, nhân sự của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na nhiệm kỳ 2018-2023 được Đại hội đồng cổ đông bầu ngày 19/4/2018 có 05 thành viên gồm Chủ

tịch Hội đồng quản trị và 04 thành viên (trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập), đảm bảo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty về số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT. Trong nhiệm kỳ qua, HĐQT đã có số biến động về nhân sự, cụ thể là: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na bất thường lần 2 ngày 28/12/2022, Đại hội đã miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Trịnh Bảo Ngọc kể từ ngày 01/01/2023 và bầu bổ sung ông Bùi Huy Thành là thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 01/01/2023.

Đến nay, HĐQT hoạt động với số lượng 05 thành viên, bao gồm:

1. Ông Hoàng Xuân Thành - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Bùi Huy Thành - Thành viên HĐQT, Giám đốc;
3. Ông Nguyễn Xuân Sơn - Thành viên HĐQT, Phó giám đốc;
4. Ông Lê Hải Long - Thành viên HĐQT;
5. Ông Vũ Văn Tâm - Thành viên HĐQT độc lập.

Điểm thuận lợi của HĐQT trong nhiệm kỳ qua là luôn có 03 thành viên là cán bộ quản lý trực tiếp của Công ty, trong đó Chủ tịch HĐQT là chuyên trách, các thành viên còn lại đều đang làm các công việc có liên quan nhiều đến các lĩnh vực hoạt động đầu tư, tài chính nên rất am hiểu và thuận lợi khi trao đổi, thảo luận, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị và việc tuân thủ quy định Pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

- Trong nhiệm kỳ 2018-2023, HĐQT luôn không ngừng hoàn thiện hoạt động quản trị Công ty hướng đến mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, các quy định về quản trị nội bộ. Việc phân cấp rõ vai trò Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, BKS, Ban điều hành giúp công tác quản trị, điều hành được thực hiện một cách hệ thống, có sự phối hợp và thông tin chặt chẽ, đảm bảo đáp ứng nhanh chóng, kịp thời linh hoạt các yêu cầu quản lý kinh doanh. HĐQT đã nghiên cứu sửa đổi Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông thông qua; ban hành và luôn cập nhật để sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ để phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, tình hình thực tế và nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ, hoàn thành tốt vai trò quản lý, chỉ đạo, giám sát theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách và kiêm nhiệm, thành viên HĐQT độc lập luôn có mối quan hệ tốt, đoàn kết, phối hợp chặt chẽ với nhau góp phần quan trọng đưa Công ty hoàn thành và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao hàng năm, cả 5 năm trong nhiệm kỳ Nhà máy thủy điện Hòa Na luôn vận hành an toàn tuyệt đối, Công ty sản xuất kinh doanh hiệu quả, có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, đáp ứng lợi ích của Cổ đông, Nhà nước và người lao động.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh

Với tinh thần trách nhiệm cao, cùng sự quan tâm chỉ đạo của các Cổ đông, đặc biệt là Cổ đông chi phối Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP trong nhiệm kỳ 2018-2023 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tổng cộng
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	808,17	559,90	566,83	563,31	828,84	3.327,05
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	883,23	668,95	606,06	695,83	1,182,32	4.036,39
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	221,14	77,35	35,47	138,58	614,41	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	217,42	72,95	33,53	131,37	583,47	
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.466,04	2.527,80	2.654,92	2.781,96	3.357,69	
6	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.256,59	2.256,59	2.353,32	2.353,32	2.353,32	
7	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	9,80%	3,43%	1,51%	5,89%	26,11%	
8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,97%	3,06%	1,34%	4,98%	18,30%	

- Ngày 29/12/2020, Sản lượng điện đạt mốc 05 tỷ kWh.
- Ngày 30/08/2022, Sản lượng điện đạt mốc 06 tỷ kWh.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2022 đạt 928,18 tỷ đồng, dự kiến sau khi trích lập các quỹ (trích quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành) thì Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối còn khoảng 855,38 tỷ đồng.

Lần đầu tiên sau 10 năm vận hành, năm 2023 Công ty có đủ nguồn lực tài chính để chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 15%/Vốn điều lệ, cổ phiếu HNA đủ điều kiện để niêm yết giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX).

III. ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2023-2028

1. Về chiến lược phát triển

- Xây dựng và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh, theo hướng: Tập trung vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy thủy điện Hòa Na; đầu tư xây dựng thêm một đến hai nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, dự án năng lượng tái tạo; cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực đào tạo, vận hành và sửa chữa nhà máy thủy điện.

- Tăng cường phát huy nội lực, sự ủng hộ của các cấp, của Tổng công ty và các Cổ đông cũng như phát huy thế mạnh của cá nhân và sức mạnh của tập thể để phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đầu tư và hoạt động SXKD được

Tổng công ty giao. Xây dựng Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na “Cao về sức cạnh tranh; Mạnh về tài chính; Xanh về môi trường”.

- Chỉ đạo, giám sát thực hiện vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na và các nhà máy điện mới theo đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật, đảm bảo an toàn. Tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy đảm bảo chất lượng, tiến độ, nâng cao độ khả dụng của các tổ máy.

2. Về công tác đầu tư

- Trước mắt, tập trung điều hành, chỉ đạo tháo gỡ dứt điểm các khó khăn, vướng mắc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định canh của dự án Thủy điện Hòa Na với địa phương để hoàn thành nhiệm vụ quyết toán nguồn vốn đầu tư còn lại đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Tham gia đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ, các dự án năng lượng tái tạo.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

Đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo nội bộ để nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn cho cán bộ, công nhân vận hành, sửa chữa, tiến tới tự chủ được lĩnh vực bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy. Tập trung nguồn lực trong lĩnh vực quản lý, điều hành các hoạt động của Doanh nghiệp thông qua chương trình công nghệ số, đặc biệt thực hiện mục tiêu chương trình “Vận hành tự quản” cho Nhà máy.

4. Về tổ chức, quản trị

- Nâng cao chất lượng công tác quản trị, quản lý, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn. Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Chỉ đạo, giám sát Giám đốc và các thành viên ban điều hành chủ động thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm mang lại lợi ích cao nhất từ thị trường điện cạnh tranh, có chiến lược chào giá hợp lý, vận hành tối ưu các tổ máy.

- Đảm bảo chi trả cổ tức hàng năm cho các cổ đông, hoàn thành nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Tình hình hoạt động nhiệm kỳ 2018-2023 và định hướng nhiệm kỳ 2023-2028 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban điều hành;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Thành

Số: 166 /BC-HHC

Nghệ An, ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất
kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na được sửa đổi, bổ sung lần 11 vào tháng 04 năm 2021, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022, Ban Giám đốc kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 với các nội dung như sau:

PHẦN A:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. Tình hình sản xuất kinh doanh điện

1. Thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện, chỉ tiêu tài chính

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện, chỉ tiêu tài chính năm 2022 đạt được như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ hoàn thành %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
1	Sản lượng điện	Tr.kw.h			
-	Sản lượng điện hợp đồng (Qc)	Tr.kw.h	503,90	518,13	103%
-	Sản lượng điện thương mại	Tr.kw.h	630,83	828,84	131%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	680,62	1.182,32	174%
-	Doanh thu sản xuất điện	Tỷ đồng	678,22	1.175,59	173%
+	Doanh thu bán điện trước các phí/thuế	Tỷ đồng	587,34	1.059,12	180%
+	Thu thuế TN, MT rừng, tiền cấp quyền khai thác sử dụng nước mặt	Tỷ đồng	90,88	116,47	128%

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ hoàn thành %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
-	Doanh thu khác	Tỷ đồng	2,40	6,73	280%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	591,99	567,91	96%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	88,63	614,41	693%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	84,20	583,47	693%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	163,14	237,11	145%
7	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	%	4%	26%	693%
8	Giá điện bình quân (trước các thuế/phí)	đ/kWh	931,06	1.277,83	137%
9	Giá thành	đ/kWh	938,43	685,19	73%

2. Đánh giá thực hiện SXKD và tham gia thị trường điện.

a. Về thủy văn:

Điều kiện thủy văn trên lưu vực hồ thủy điện Hòa Na năm 2022 tương đối thuận lợi, cụ thể:

- Mức nước thượng lưu hồ chứa tại thời điểm ngày 01/01/2022 đạt cao trình 238,8 (chỉ thấp hơn 1,2m so với mức nước dâng bình thường 240m).

- Lưu lượng nước bình quân về hồ trong năm đạt 112,69 m³/s, bằng 120% so với lưu lượng bình quân nhiều năm (93,6 m³/s).

b. Về sản lượng điện:

- Sản lượng điện hợp đồng (Qc): theo yêu cầu của EVN/EVNEPTC về việc đàm phán tăng sản lượng hợp đồng từ các tháng 8 ÷ 12 năm 2022 đối với các nhà máy thủy điện. Với tinh thần hợp tác và chia sẻ rủi ro cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam, PVPower HHC đã chấp thuận tăng tỷ lệ α từ 90% lên 95% của các tháng này trên cơ sở sản lượng điện kế hoạch vận hành năm được Bộ Công thương phê duyệt, qua đó, sản lượng điện hợp đồng năm 2022 của nhà máy thủy điện Hòa Na đã tăng từ 503,90 triệu kWh lên 518,13 triệu kWh (14,23 triệu kWh).

- Sản lượng điện thương mại: Với điều kiện thủy văn thuận lợi như trên, sản lượng điện thương mại năm 828,84/630,83 triệu kWh, bằng 131% kế hoạch; bằng 147% so sản lượng điện thương mại năm 2021 (563,31 triệu kWh).

c. Doanh thu, lợi nhuận:

- Doanh thu: Với sản lượng đạt được như trên, kết hợp với giá thị trường tương đối cao nên kết quả doanh thu bán điện trước thuế/phí đạt 1.059,12/587,34 tỷ đồng (giá bán điện bình quân đạt 1.277,83/970,81 đồng/kWh, cao hơn 32% giá hợp đồng), bằng 180% so với kế hoạch; bằng 174% so với năm 2021 (608,95 tỷ đồng).

- Lợi nhuận trước thuế đạt 614,41/88,63 tỷ đồng, bằng 693% so với kế hoạch, bằng 443% so với cùng kỳ năm 2021 (138,58 tỷ đồng).

d. Nộp ngân sách nhà nước: Thuế và các khoản phát sinh trong năm nộp ngân sách nhà nước đạt 237,11 tỷ đồng.

II. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm khác

1. Công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì Nhà máy

- Công tác vận hành: Nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên nhà máy.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ: Hoàn thành tiêu tu các tổ máy đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn lao động và về đích trước 02 ngày so với kế hoạch. Sau kỳ bảo dưỡng sửa chữa nhà máy vận hành an toàn, hiệu quả.

- Công tác sửa chữa, bảo trì các hạng mục công trình xây dựng/thiết bị nhà máy: Công ty đã tập trung kiểm tra, rà soát các trang thiết bị phục vụ các công tác ứng phó, phòng chống thiên tai trong mùa mưa lũ; kiểm tra trang thiết bị phục vụ sản xuất; các hạng mục/công trình; khơi thông các hệ thống tiêu thoát nước; Quan trắc biến dạng chu kỳ 3 nhằm mục đích theo dõi, giám sát thực trạng vận hành của công trình đầu mối, đánh giá trạng thái làm việc theo định kỳ để có các biện pháp, phương án xử lý kịp thời và phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra; Tập trung ưu tiên khắc phục sửa chữa, bảo trì các hạng mục/công trình có dấu hiệu xuống cấp gây mất an toàn. Do đó, trong mùa mưa lũ năm 2022, toàn bộ các trang thiết bị, công trình, hạng mục công trình, đập, nhà máy đảm bảo vận hành an toàn, không có hư hỏng và sạt lở nghiêm trọng xảy ra.

2. Công tác lựa chọn Nhà thầu và quản lý hợp đồng

Trong quá trình thực hiện lựa chọn nhà thầu và quản lý hợp đồng, Công ty luôn tuân thủ áp dụng đúng các quy định của Luật đấu thầu, quy định của Tập đoàn/Tổng công ty và quy chế nội bộ của Công ty. Các Phòng chuyên môn/Phân xưởng Vận hành – Sửa chữa phối hợp làm việc với khả năng tốt nhất, đảm bảo thuận lợi cho công việc, phù hợp với tình hình thực tế và hoàn cảnh địa phương.

3. Công tác tài chính

Đến ngày 31/12/2022, PVPower HHC đã trả nợ gốc và lãi vay cho các tổ chức tín dụng như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị	Tổng giá trị đã vay	Số tiền nợ gốc đã trả	Số tiền lãi vay đã trả	Dư nợ
1	Các hợp đồng tín dụng và trái phiếu	Tỷ đồng	4.053,71	3.539,46	2.408,16	514,25

Trong năm 2022, Công ty đã thu xếp đủ dòng tiền để trả nợ kịp thời cho các ngân hàng theo quy định của các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

4. Công tác đầu tư phát triển các dự án mới.

Thực hiện chủ trương và định hướng/chiến lược phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo. Công ty đã và đang tích cực tìm kiếm, nghiên cứu, khảo sát các dự án mới, đặc biệt các dự án thủy điện vừa và nhỏ, cụ thể:

- Nhà máy thủy điện Nậm Chiến (200 MW) tại huyện Mường La, tỉnh Sơn La; khảo sát hiện trường cụm dự án thủy điện trên sông Lò, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa do Công ty TNHH Thanh Bình làm Chủ đầu tư.

- Cụm dự án gồm: Dự án thủy điện Trung Xuân, công suất 10,5 MW đã hoàn thành đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành phát điện thương mại tháng 9/2020;

- Hai dự án bậc thang (Thủy điện Sơn Lư, công suất 7 MW và Thủy điện Tam Thanh, công suất 7 MW) trên của Thủy điện Trung Xuân.

Qua đánh giá sơ bộ các dự án trên có nhiều khó khăn vướng mắc về tính pháp lý, suất đầu tư tương đối cao dẫn đến hiệu quả đầu tư thấp, không khả thi.

Hiện nay, Công ty đang tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm các Dự án khả thi khác để báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét quyết định phù hợp với mô hình, chiến lược phát triển của Công ty.

5. Công tác bảo hiểm nhà máy trong giai đoạn vận hành.

Hoàn thành gia hạn hợp đồng bảo hiểm nhà máy thủy điện Hòa Na theo đúng quy định.

6. Công tác lao động, tiền lương.

- Tổng số lao động của Công ty tính đến ngày 31/12/2022 là 116 người với cơ cấu: 99 lao động nam và 17 lao động nữ; 100% người lao động có việc làm ổn định; Tiền lương bình quân người lao động 20,91 Tr.đ/người/tháng.

- Về hợp đồng lao động: Đối tượng không thuộc diện ký HĐLĐ: 08 người

chiếm 6,9 %; HĐLĐ không xác định thời hạn: 102 người chiếm 87,9%; HĐLĐ có thời hạn từ 1-3 năm: 06 người chiếm 5,2%.

7. Công tác đào tạo

Năm 2022, Nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động, năng lực nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên và cán bộ quản lý, Công ty đã tổ chức các chuyên tham quan học hỏi, cử người lao động, cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo, huấn luyện, chuyên ngành về quản lý, thị trường điện, nghiệp vụ đấu thầu qua mạng, an toàn vệ sinh lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, nghiệp vụ cơ khí, nghiệp vụ công tác Bảo vệ...

8. Công tác an sinh xã hội và thực hiện các chính sách, chăm lo đời sống cho người lao động.

- Công tác an sinh xã hội: Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An với tổng giá trị 1.320 triệu đồng, cụ thể như sau: Thực hiện chương trình hỗ trợ xây dựng Trường tiểu học Nam Yên thuộc xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An; hỗ trợ xây dựng Nhà tình nghĩa cho 02 hộ dân có điều kiện đặc biệt khó khăn, chưa có nhà ở kiên cố trên địa bàn xã Đồng Văn; Hỗ trợ cho Hội thương binh liệt sỹ tỉnh Nghệ An để hỗ trợ xây dựng 4 nhà tình nghĩa cho thân nhân các liệt sỹ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động được giải quyết đầy đủ, kịp thời: số người tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN đạt 100%; Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động Công ty với 116 lượt người và hơn 50 người làm trong môi trường độc hại, nguy hiểm được khám sức khỏe lần 2 trong năm; Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; Thực hiện các chế độ phụ cấp độc hại, bồi dưỡng bằng hiện vật; Phụ cấp ăn ca; Thưởng An toàn; Mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động trong toàn Công ty; Thực hiện chế độ nghỉ phép cho toàn thể người lao động; Tổ chức nghỉ mát cho cán bộ công nhân viên Công ty với mục đích tái tạo sức lao động và động viên khích lệ tinh thần, gắn kết giữa người lao động;...

- Chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho người lao động: Công đoàn công ty đã hỗ trợ kinh phí cho các bộ phận chuyên môn trong công tác phát triển trồng cây xanh, cây ăn quả làm đẹp cảnh quan nhà máy, rau sạch đảm bảo cho sức khỏe đời sống cán bộ công nhân viên trong công ty; Hỗ trợ mua sắm trang bị quần áo, trang thiết bị thể thao và tổ chức, tham gia các hoạt động giao lưu thể thao tại công ty, địa phương và các đơn vị trong và ngoài ngành; Tổ chức tặng quà sinh nhật cho cán bộ công nhân viên; Tổ chức thăm hỏi, trợ cấp cho người lao động bị ốm đau, gia đình khó khăn; tặng quà cho gia đình có bố mẹ cao tuổi, tặng quà cho các cán bộ công nhân viên đã nghỉ hưu,...

1974
3 T
HÀ
ĐI
N
3-T.N

9. Công tác còn lại trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án.

Đến nay, Dự án thủy điện Hòa Na đang tồn tại một số nội dung trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc đầu tư dự án, cụ thể:

- Công tác giao đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác: vướng mắc 302,412ha đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm đang có rừng tự nhiên đã giao đất sản xuất cho người dân tại các điểm tái định cư ngoài thực địa nhưng phải thu hồi lại theo Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017.

- Giao đất lúa nước: Đối với 129 hộ dân còn lại chưa nhận đất ruộng lúa nước để sản xuất, cụ thể: Điểm tái định cư Pù Sai Cánh còn 36 hộ chưa nhận ruộng phục hóa; Huôi Siu - Huôi Lạn còn 87 hộ chưa nhận ruộng khai hoang mới; Khùn Na còn 5 hộ chưa nhận ruộng đã khai hoang mới; Nậm Nui - Nậm Ke còn 01 hộ chưa nhận ruộng phục hóa.

- Công tác bồi thường xử lý chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp nơi đi và nơi đến.

Hiện nay Công ty vẫn đang tập trung phối hợp với UBND huyện/Hạt kiểm lâm huyện Quế Phong và các đơn vị có liên quan để xử lý vướng mắc trong công tác giao đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm theo quy định; tuyên truyền, vận động các hộ dân chấp thuận chủ trương nhận đất ruộng lúa nước đã khai hoang để sản xuất, sớm ổn định đời sống; tổ chức rà soát, tính toán xử lý chênh lệch giá trị đất nông nghiệp giữa nơi đi và nơi đến Dự án thủy điện Hòa Na theo hướng dẫn của UBND tỉnh Nghệ An tại Công văn số 8891/UBND-CN ngày 09/11/2022 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở giải ngân nguồn vốn theo đúng quy định.

PHẦN B:**KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SXKD NĂM 2023****I. Các nhiệm vụ chính.****1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:**

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH SXKD 2023
1	Sản lượng điện thương mại	Tr.kw.h	645,79
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.352,32
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	733,47
-	<i>Doanh thu phát điện</i>	Tỷ đồng	728,90
-	<i>Doanh thu tài chính</i>	Tỷ đồng	4,58
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	572,09
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	161,38
6	Thuế TNDN	Tỷ đồng	8,07
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	153,31
-	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	0,07
8	Đào tạo	Tỷ đồng	1,50
9	Giá thành (bao gồm thuế phí)	đồng/kWh	885,88
10	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	173,77
11	Lao động	Người	117,00
12	Quỹ tiền lương, thưởng vận hành (<i>đã bao gồm các khoản trích nộp theo lương, quỹ tiền lương, thưởng vận hành tạm tính</i>)	Tỷ đồng	49,10

2. Các công việc khác.

- Tổ chức quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na luôn đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để vận hành phát điện nhằm tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận trong thị trường điện cạnh tranh, thanh toán kịp thời tiền bán điện hàng tháng.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: Thực hiện sửa chữa định kỳ (trung tu) Nhà máy vào tháng 3 ÷ 4/2023 theo kế hoạch đã được Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia phê duyệt.

- Mua sắm tài sản cố định: Căn cứ vào tình hình thực tế và dòng tiền của đơn vị để đầu tư xây dựng một số hạng mục để phục vụ hoạt động quản lý vận hành nhà máy liên tục, an toàn, hiệu quả.

- Mua sắm vật tư, thiết bị: Trên cơ sở tình hình thực tế và kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, tiến hành triển khai mua sắm vật tư, dụng cụ phục vụ sửa chữa thường xuyên, vật tư thiết bị phục vụ công tác sửa chữa định kỳ (Trung tu) Nhà máy, vật tư thiết bị dự phòng chiến lược, các vật tư công cụ cần thiết khác đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh liên tục và an toàn, hạn chế tồn kho gây lãng phí nguồn vốn.

- Công tác đầu tư xây dựng còn lại thuộc dự án Nhà máy thủy điện Hủa Na: phối hợp với chính quyền địa phương để sớm hoàn thành các công việc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, đặc biệt là công tác giao đất và bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất; Hoàn thành quyết toán phần còn lại của dự án sau khi hoàn thành các nội dung nêu trên.

- Công tác phát triển các dự án điện mới: Triển khai thực hiện các bước đầu tư các dự án mới trong trường hợp tự cân đối được nguồn vốn, dự án được đánh giá có hiệu quả kinh tế và được cấp có thẩm quyền thông qua.

- Kế hoạch chia cổ tức 15% cho các cổ đông:

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 614,4 tỷ đồng, lũy kế chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2022 khoảng 928,18 tỷ đồng. Dự kiến sau khi trích lập các quỹ tại kỳ Đại hội đồng Cổ đông năm 2023 (trích quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành) thì Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối còn khoảng 855,38 tỷ đồng.

+ Theo cân đối dòng tiền năm 2023, số dư lũy kế dòng tiền 9 tháng đầu năm đủ để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi vay với các tổ chức tín dụng và khoản dự phòng trả nợ cho 3 tháng tiếp theo. Theo tính toán đến tháng 10, sau khi trừ các khoản chi thì dòng tiền có đủ chi trả khoảng 15% cổ tức cho các cổ đông (352,848 tỷ đồng) và đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong các tháng còn lại của năm 2023.

III. Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023

1. Giải pháp trong sản xuất kinh doanh điện.

Từ khi bắt đầu triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, Công ty đã có những khó khăn như: Mực nước hồ đầu năm 2023 ở mức thấp (237,2m, thấp hơn mực nước dâng bình thường 2,8m và thấp hơn mực nước đầu năm 2022 là 1,6m); Thủy văn dự báo năm 2023 không ổn định và lưu lượng nước bình quân về hồ trong năm khoảng 87% lưu lượng trung bình nhiều năm; Giá CAN thị trường bình quân năm 2023 giảm so với năm 2022 là 78,67 đồng; Sản lượng điện hợp đồng hiện nay đang được Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia công bố trên website thị trường điện là 705,17 triệu kWh, với sản lượng hợp đồng quá cao so với sản lượng điện thương mại bình quân nhiều năm của nhà máy. Căn cứ trên bối cảnh và dự kiến thị trường cũng như thủy văn như

hiện nay, sẽ gây khó khăn cho nhà máy trong việc đảm bảo đáp ứng nhu cầu huy động điện của hệ thống điện Quốc gia cũng như việc hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch giao năm 2023.

Trước tình hình này, để hạn chế khó khăn trong trường hợp thủy văn không thuận lợi, Công ty đã và đang thực hiện các giải pháp sau:

- Công ty đã có công văn số 40/HHC-KTKH ngày 18/01/2023 kiến nghị Cục điều tiết điện lực (ERAV), Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia (A0), Công ty mua bán điện (EPTC) tính toán và thống nhất lại Qc cho nhà máy thủy điện Hòa Na phù hợp với điều kiện thủy văn thực tế của nhà máy và theo đúng quy định của thị trường điện;

- Theo dõi sát sao diễn biến khí tượng thủy văn, dự báo thị trường điện để chào giá linh hoạt, khai thác tối đa hiệu quả nguồn nước, tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận;

- Tổ chức quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na luôn đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy;

- Thực hiện bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, tin cậy, hiệu quả.

2. Giải pháp trong công tác đầu tư.

- Đối với công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn lại thuộc đầu tư dự án được chuyển tiếp sang năm 2023, Công ty tiếp tục tập trung cao độ phối hợp với UBND huyện/Hạt kiểm lâm huyện Quế Phong và các đơn vị có liên quan để xử lý vướng mắc trong công tác giao đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm theo quy định; tuyên truyền, vận động các hộ dân chấp thuận chủ trương nhận đất ruộng lúa nước đã khai hoang để sản xuất, sớm ổn định đời sống; tổ chức rà soát, tính toán xử lý chênh lệch giá trị đất nông nghiệp giữa nơi đi và nơi đến và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở giải ngân nguồn vốn theo đúng quy định.

- Đối với công tác đầu tư phát triển: Tập trung nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án năng lượng sạch mới ở địa phương và các địa bàn lân cận.

3. Giải pháp trong công tác tài chính.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm.

- Tính toán, cân đối dòng tiền để thực hiện chia 15% cổ tức cho các cổ đông và đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023.

PHẦN C:
KIẾN NGHỊ

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 và đảm bảo đời sống, thu nhập cho người lao động, Ban giám đốc Công ty kính đề nghị Quý Cổ đông xem xét hỗ trợ Công ty một số nội dung như sau:

1. Thường xuyên kiểm tra, hỗ trợ Công ty trong quá trình quản lý hoạt động và vận hành sản xuất.

2. Tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ Công ty làm việc với các Bộ ngành, UBND tỉnh Nghệ An, UBND huyện Quế Phong để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

3. Xem xét, hỗ trợ và thông qua chủ trương cho Công ty tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án tại địa phương và địa bàn lân cận.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022; các nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. Ban giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Các Phó giám đốc (để t/h);
- Các Phòng/Phân xưởng (để t/h);
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC



Bùi Huy Thành



TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

Số: 03 /HHC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023 TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na;
- Quy chế hoạt động số 06/QĐ-BKS-HHC ngày 22/4/2021 của Ban kiểm soát;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, số 19/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 08/4/2022 Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Ban kiểm soát kính báo cáo Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na, về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Ban kiểm soát với những nội dung như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022.

1. Nhân sự Ban kiểm soát

Nhân sự Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na năm 2022, bao gồm các thành viên:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
1	Trần Thị Thu Hà	Trưởng BKS	Từ 19/4/2018 đến 12/9/2022
2	Võ Trung Chính	Trưởng BKS	Từ 12/9/2022 đến nay
3	Hoàng Thị Thu Nguyệt	Kiểm soát viên	Từ 10/6/2020 đến 12/9/2022
4	Lê Văn Anh	Kiểm soát viên	Từ 12/9/2022 đến nay
5	Văn Tuấn Thạch	Kiểm soát viên	Từ 19/4/2018 đến nay

2. Phân công nhiệm vụ Ban kiểm soát:

2.1. Ông Võ Trung Chính - Trưởng ban kiểm soát: Phụ trách chung.

- Giám sát Hội đồng quản trị và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của công ty;

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), họp Hội đồng quản trị (HĐQT) và các cuộc họp khác của công ty;



UA

- Lập kế hoạch, triển khai công tác, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2.2. Ông Văn Tuấn Thạch - Kiểm soát viên:

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính 06 tháng và hằng năm của công ty;

- Kiểm tra, kiểm soát, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Kiểm tra, kiểm soát việc quản lý tài chính phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ của công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và do Trưởng ban kiểm soát phân công.

2.3. Bà Lê Vân Anh - Kiểm soát viên:

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tình hình kinh doanh 06 tháng và hằng năm của công ty;

- rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công ty;

- Đánh giá tính hợp lý và hiệu quả trong việc thực hiện các dự án đầu tư mới của công ty;

- Kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy định công bố thông tin của Công ty;

- Xem xét hồ sơ và tài liệu liên quan đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và do Trưởng ban kiểm soát phân công.

3. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Trên cơ sở quyền và nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy

chế làm việc của Ban kiểm soát. Năm 2022, Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty về hoạt động của Ban kiểm soát; kết quả giám sát về tình hình hoạt động; thẩm định Báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty; kết quả giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý trong việc quản trị và điều hành công ty.

- Giám sát việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2022 của HĐQT và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất năm 2022.

- Tham dự và tham gia thảo luận trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, họp HĐQT, họp Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty thuộc phạm vi và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính soát xét 06 tháng và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT trong năm 2022. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và năm 2022.

- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

- Kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy định công bố thông tin của Công ty.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Với kết quả hoạt động năm 2022, Ban kiểm soát đánh giá cụ thể như sau:

- Ban kiểm soát đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban giám đốc trong việc quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát đã triển khai nhiệm vụ có hiệu quả và phù hợp với tình hình sản xuất của công ty

- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin, xin ý kiến các Kiểm soát viên nhằm thảo luận thống nhất các vấn đề liên quan đến việc thực thi chức trách, nhiệm vụ của mình.

- Các kiểm soát viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, theo sát tình hình hoạt động của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng, đề xuất các giải pháp khắc phục.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

290
CỘ
CỘ
TU
IU
HO

WA

+ Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương, thưởng theo Quy chế trả lương, thưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Thành viên Ban kiểm soát hưởng thù lao theo quy định tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 (6 triệu đồng/người/tháng);

+ Các khoản chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban kiểm soát được chi trả tuân thủ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và Quy chế của Công ty.

Cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập trong năm
1	Trần Thị Thu Hà	Trưởng BKS	770.032.622
2	Võ Trung Chính	Trưởng BKS	270.202.645
3	Hoàng Thị Thu Nguyệt	Kiểm soát viên	70.181.818
4	Lê Văn Anh	Kiểm soát viên	3.818.182
5	Văn Tuấn Thạch	Kiểm soát viên	74.000.000
	Tổng cộng		1.188.235.266

II. Kết quả kiểm tra, giám sát năm 2022:

1. Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty

1.1. Cơ cấu HĐQT năm 2022:

Hội đồng quản trị năm 2022 gồm 05 thành viên, trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách; 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm làm việc ở cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và 01 thành viên HĐQT độc lập.

1.2. Hoạt động của HĐQT năm 2022:

- Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, số 19/NQ-HHC- ĐHĐCĐ ngày 08/4/2022; Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2022, số 38/NQ-HHC- ĐHĐCĐ ngày 12/9/2022; Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2022, số 58/NQ-HHC- ĐHĐCĐ ngày 28/12/2022.

- HĐQT thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty. HĐQT tiến hành 04 phiên họp HĐQT và ban hành 12 Nghị quyết, 50 Quyết định liên quan đến công tác quản lý, điều hành sản xuất của công ty. Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được ban hành theo đúng các Quy định của Nhà nước, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và phù hợp với tình hình sản xuất.

- HĐQT đã giám sát, kiểm tra các hoạt động sản xuất, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất của Công ty.

1.3. Kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Năm 2022, Giám đốc công ty điều hành hoạt động sản xuất tuân thủ các Quy định của Nhà nước, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.

- Giám đốc công đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các nội dung theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước đều vượt so với kế hoạch năm 2022.

- Giám đốc tổ chức thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; bảo đảm thu nhập về tiền lương, tiền thưởng kịp thời, ổn định; triển khai công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động; thực hiện công tác an sinh xã hội; chú trọng thực hiện công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSMT;...

2. Thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022, Nhà máy vận hành an toàn, ổn định, sản xuất đạt hiệu quả cao. Sản lượng điện thực hiện được 828,84/630,83 triệu kWh, đạt 131,39% so với kế hoạch, và đạt 147,14% so với năm 2021.

Cụ thể, doanh thu, chi phí, lợi nhuận thực hiện năm 2022 so với 2021 và so với kế hoạch như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ (%)	
A	B		(1)	(2)	(3)	(4=3/1)	(5=3/2)
I	Sản lượng điện	Tr.kwh	563,31	630,83	828,84	147,14	131,39
II	Doanh thu	Tỷ đồng	695,83	680,62	1.182,32	169,92	173,71
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	691,11	678,22	1.175,59	170,10	173,33
2	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	4,66	2,40	6,67	143,13	277,92
3	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,06	-	0,06	100,00	-
III	Chi phí	Tỷ đồng	557,25	591,99	567,91	101,91	95,93
1	Chi phí sản xuất điện	Tỷ đồng	450,58	511,90	495,58	109,99	96,81
2	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	104,98	80,09	72,05	68,63	89,96
3	Chi phí khác	Tỷ đồng	1,69	-	0,28	16,57	-

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ (%)	
A	B		(1)	(2)	(3)	(4=3/1)	(5=3/2)
IV	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	138,57	88,63	614,41	443,39	693,23
	Thuế TNDN	Tỷ đồng	7,20	4,43	30,93	429,58	698,19
V	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	131,37	84,20	583,47	444,14	692,96
VI	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	162,92	163,14	237,11	145,54	145,34

Các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và nộp thuế đều vượt so với kế hoạch năm 2022 và so với cùng kỳ năm 2021. Đặc biệt, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 693,23% so với kế hoạch năm 2022 và đạt 443,39% so với cùng kỳ năm 2021. Chỉ tiêu chi phí giảm bằng 95,93% so với kế hoạch. Để đạt được kết quả này ngoài yếu tố khách quan là điều kiện thủy văn thuận lợi, Công ty đã thực hiện tốt công tác chào giá thị trường; công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng nhà máy an toàn, hiệu quả.

3. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập số: 05/2023/BCKT-AVI-TC1 ngày 13/2/2023. Ý kiến của kiểm toán viên: Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2022:

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kì	Số đầu năm	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	671.628.959.060	334.054.565.645	201,05
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	245.644.092.556	170.608.725.829	143,98
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	200.000.000.000	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	203.424.815.593	137.299.011.092	148,16

IV. Hàng tồn kho	140	21.322.139.098	24.913.220.284	85,59
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.237.911.813	1.233.608.440	100,35
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	3.268.955.974.082	3.551.349.757.025	92,05
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-
II. Tài sản cố định	220	3.230.384.518.549	3.508.002.119.065	92,09
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	32.344.044.404	35.404.690.088	91,36
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	6.227.411.129	7.942.947.872	78,40
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	3.940.584.933.142	3.885.404.322.670	101,42
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	582.891.655.393	1.103.440.714.048	52,82
I. Nợ ngắn hạn	310	365.337.595.236	609.628.153.491	59,93
II. Nợ dài hạn	330	217.554.060.157	493.812.560.557	44,06
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	3.357.693.277.749	2.781.963.608.622	120,70
I. Vốn chủ sở hữu	410	3.357.693.277.749	2.781.963.608.622	120,70
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	3.940.584.933.142	3.885.404.322.670	101,42

- Một số chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2022	31/12/2021
1	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,21	1,05
2	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	17,38	4,72
3	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên tài sản (ROA)	%	14,81	3,38
4	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,78	0,51
5	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,84	0,55

- Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

Ban kiểm soát đề nghị Công ty xem xét, lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 theo đúng quy định, bảo đảm đủ năng lực, minh bạch, khách quan.

4. Kiểm tra, xem xét và đánh giá một số nội dung khác:

4.1. Những công việc còn lại trong giai đoạn đầu tư của dự án:

Quyết toán dự án:

- Giai đoạn 1: Hiện tại đã quyết toán dự án hoàn thành nhà máy thủy điện Hủa Na (giai đoạn 1) với giá trị là: 6.474,33 tỷ đồng/7.092,3 tỷ đồng TMĐT (bao gồm thuế GTGT) đã được các cổ đông chấp thuận phê duyệt.

- Quyết toán phần còn lại: Công ty đã hoàn thành và quyết toán vốn bổ sung đến 28/2/2019 là: 190,08 tỷ đồng. Giá trị còn lại khoảng 65,7 tỷ đồng thuộc các hạng mục bồi thường tái định cư có liên quan đến các khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chủ trương chính sách của Nhà nước và địa phương nên chưa hoàn thành

Trong thời gian tới, đề nghị Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na tiếp tục tập trung phối hợp với các cấp chính quyền địa phương và cá đơn vị có liên quan để thực hiện theo quy định và báo cáo sau khi hoàn thành đối với phần còn lại này.

4.2. Tình hình cân đối dòng tiền và chi cho hoạt động sản xuất

Tính đến ngày 31/12/2022 Công ty đã hoàn thành việc trả nợ vay đầy đủ, kịp thời cho các tổ chức tín dụng và tổ chức sản xuất có hiệu quả. Cụ thể: Trong năm trả nợ gốc vay: 522,09 tỷ đồng, trả nợ lãi vay: 70,97 tỷ đồng; dư nợ vay đến 31/12/2022: 514,26 tỷ đồng; tiền gửi tại 31/12/2022: 445,64 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện các hợp đồng tín dụng đến 31/12/2022:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hợp đồng	Lũy kế số đã giải ngân	Lũy kế trả nợ gốc đến 31/12/2022	Dư nợ gốc vay đến 31/12/2022	Dự kiến trả nợ gốc và lãi vay năm 2023
1	HĐ tín dụng số 124.12/HĐTD/II ngày 17/12/2012 (NHAB)	200.000	160.000	40.000	23.771
2	HĐ tín dụng số 182/16/TD-TT/II ngày 21/01/2016 (NHAB)	300.000	155.015	144.985	53.734
3	HĐ tín dụng số 09.001.286688.TD ngày 18/8/2009 (NHQĐ)	328.784	267.846	60.938	38.359
4	HĐ tín dụng số 12.08.005/HĐTD-HUANA ngày 05/3/2012 (NHVTB)	359.535	305.592	53.943	41.274
5	HĐ tín dụng số 382/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/10/2008	2.240.000	2.240.000	-	-
6	HĐ tín dụng số 68/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 19/10/2011	411.000	411.000	-	-
7	HĐ tín dụng số MMD202113392590/HĐTD ngày 25/05/2021	64.394	-	64.394	24.457
8	Trái phiếu Doanh nghiệp	150.000	-	150.000	154.690
	Tổng cộng	4.053.713	3.539.453	514.260	336.285

Theo kế hoạch năm 2023, áp lực trả nợ gốc và lãi vay (cùng các chi phí tài chính có liên quan) là 338,11 tỷ đồng, thêm vào đó là áp lực trả cổ tức, dự kiến 352,85 tỷ đồng. Mặc dù số dư tiền tại thời điểm 31/12/2022 là tương đối lớn nhưng với đặc thù hoạt động kinh doanh phụ thuộc nhiều vào yếu tố thủy văn, Ban kiểm soát đề nghị Ban lãnh đạo Công ty tính toán cân đối dòng tiền hợp lý để tránh các rủi ro thanh khoản cho Công ty và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

4.3. Công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì Nhà máy:

Nhà máy vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng kế hoạch huy động điện của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.

4.4. Công tác quản lý và thực hiện hợp đồng

Về cơ bản Công ty đã thực hiện theo các quy định của Luật đấu thầu, các quy định, quy chế của Công ty.

4.5. Công tác lao động, tiền lương

- Tổng số lao động của Công ty tính đến ngày 31/12/2022 là 116 người. Trong đó 100% người lao động có việc làm ổn định; Tiền lương bình quân người lao động 20,91 triệu đồng/người/tháng.

- Về hợp đồng lao động: Đối tượng không thuộc diện ký HĐLĐ: 08 người chiếm 6,9 %; HĐLĐ không xác định thời hạn: 102 người chiếm 87,9%; HĐLĐ có thời hạn từ 1-3 năm: 06 người chiếm 5,2%.

4.6. Công tác đào tạo

Năm 2022, Công ty đã thực hiện công tác đào tạo nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên và cán bộ quản lý, Công ty đã tổ chức các chuyến tham quan học hỏi, cử người lao động, cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo, huấn luyện, chuyên ngành về quản lý, thị trường điện, nghiệp vụ đấu thầu qua mạng, an toàn vệ sinh lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, nghiệp vụ cơ khí, nghiệp vụ công tác Bảo vệ,...

4.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra trong kỳ của các cơ quan chức năng Nhà nước:

- Năm 2022 Cục thuế Nghệ An kiểm tra thuế tại Công ty theo Quyết định số 1853/QĐ-CT ngày 22/7/2022. Thời kỳ kiểm tra từ năm 2019-2021: Theo kết luận kiểm tra còn một số tồn tại trong kê khai, nộp thuế. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận kiểm tra.

- Đề nghị Công ty khẩn trương thực hiện các kiến nghị còn tồn đọng theo Thông báo kết quả kiểm toán số 221/TB-KTNN ngày 18/8/2020 của Kiểm toán Nhà nước: Quyết toán giá trị bổ sung giai đoạn 2 dự án nhà máy thủy điện Hủa Na làm cơ sở để thực hiện đàm phán với EVN về giá phát điện; Làm việc với Bộ TN&MT, UBND tỉnh Nghệ An và các cơ quan chức năng có liên quan xử lý dứt điểm diện tích đất 251,89 ha đất nông nghiệp đã bàn giao cho các hộ dân phải thu hồi.

4.8. Rà soát hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan:

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na hiện không có công ty con, và Công ty không nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đối với bất kỳ công ty nào khác. Năm 2022 không phát sinh hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHCĐ.

4.9. Công tác đầu tư phát triển các dự án mới.

Công ty không thực hiện đầu tư dự án mới trong năm 2022. Trong năm 2023, Ban kiểm soát đề nghị HĐQT chỉ đạo, Ban giám đốc công ty thực hiện tìm kiếm, nghiên cứu, khảo sát các dự án mới để báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét quyết định đảm bảo phù hợp với mô hình, chiến lược phát triển của Công ty.

4.10. Đánh giá sự tuân thủ trong việc công bố thông tin.

Trong năm 2022, Công ty đã chậm công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, cụ thể: Công ty đã không giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của báo cáo tài chính giữa niên độ thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước và phải giải trình chậm công bố thông tin tại công văn số 392/CV-HHC gửi Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 29/08/2022. Do đó, Ban kiểm soát đề nghị Công ty cần chú ý hơn nữa trong công tác công bố thông tin thời gian tới để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.

4.11. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty:

Ban kiểm soát đề nghị Công ty trong thời gian tới bổ sung hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, tuân thủ quy định và hạn chế rủi ro.

4.12. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban giám đốc và các cổ đông.

Ban kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch trình ĐHCĐ thông qua làm cơ sở thực hiện và triển khai thực hiện kế hoạch tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty. Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình một cách độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

Thực hiện chế độ báo cáo ĐHCĐ, công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành. Tuyệt đối bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, thông tin báo cáo tới ĐHCĐ một cách trung thực, cẩn trọng, chính xác. Trong năm không phát sinh bất cứ yêu cầu nào từ các cổ đông về các hoạt động kiểm soát bất thường.

HĐQT và Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của HĐQT và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. Đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát:

Đề tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, đảm bảo các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty an toàn và hiệu quả cao. Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT, Ban giám đốc Công ty khẩn trương xem xét, chỉ đạo, thực hiện các nội dung:

1. Vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả. Chủ động thực hiện công tác điều tiết hồ chứa; chào giá linh hoạt trên thị trường; cân đối dòng tiền; tiết kiệm, tiết giảm chi phí;... phân đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2023 đã được phê duyệt.

2. Hoàn thiện các thủ tục liên quan để hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Nhà máy trong năm 2023.

3. Đối với công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Đề nghị HĐQT công ty chỉ đạo, Ban giám đốc phối hợp với các bên liên quan để sớm hoàn thành những công việc còn vướng mắc trong công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên cơ sở đảm bảo đúng các quy định hiện hành và tổng chi phí thực hiện không vượt quá TMĐT hiệu chỉnh lần 3 đã được duyệt.

4. Bổ sung hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, tuân thủ quy định và hạn chế rủi ro.

5. Hoàn thành nội dung kiến nghị còn lại tại Thông báo kết quả kiểm toán số 221/TB-KTNN ngày 18/8/2020 của Kiểm toán Nhà nước.

IV. Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát:

Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

1. Giám sát việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2023 của HĐQT và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất năm 2023.

2. Dự họp và tham gia ý kiến trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, họp HĐQT, và các cuộc họp khác của Công ty.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT trong năm 2023. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và năm 2023.

4. Kiểm tra, rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và các mặt hoạt động liên quan khác của công ty theo quy định.

5. Thực hiện chế độ các báo cáo định kỳ theo đúng các quy chế/ quy định hiện hành của Ban kiểm soát.

Trên cơ sở kết quả công tác năm 2022, Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo của Ban kiểm soát và xin tiếp thu các ý kiến tham gia của Quý vị cổ đông. Ban kiểm soát trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của Quý vị cổ đông và sự hợp tác của HĐQT, Ban điều hành Công ty giúp Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trân trọng!

Nơi gửi :

- Như trên;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Nghệ An, tháng 02 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)
Ông Bùi Huy Thành	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 01/01/2023)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên
Ông Lê Hải Long	Ủy viên
Ông Vũ Văn Tâm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)
Ông Bùi Huy Thành	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2023)
	Phó giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó giám đốc
Ông Đoàn Văn Trường	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thạch	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Bùi Huy Thành
Giám đốc

Nghệ An, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Số: 05 /2023/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13/02/2023, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngô Việt Thanh
Phó Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2023-055-1

Nguyễn Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4988-2019-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		671.628.959.060	334.054.565.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	245.644.092.556	170.608.725.829
1. Tiền	111		65.596.390.427	70.608.725.829
2. Các khoản tương đương tiền	112		180.047.702.129	100.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	200.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		203.424.815.593	137.299.011.092
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	199.030.458.180	134.437.393.128
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.486.580.755	2.115.083.994
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.907.776.658	746.533.970
IV. Hàng tồn kho	140		21.322.139.098	24.913.220.284
1. Hàng tồn kho	141	11	21.322.139.098	24.913.220.284
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.237.911.813	1.233.608.440
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	388.650.325	240.074.193
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		849.261.488	993.534.247
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.268.955.974.082	3.551.349.757.025
I. Tài sản cố định	220	15	3.230.384.518.549	3.508.002.119.065
1. Tài sản cố định hữu hình	221		3.230.384.518.549	3.508.002.119.065
- Nguyên giá	222		5.870.845.108.702	5.863.949.544.217
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.640.460.590.153)	(2.355.947.425.152)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		32.344.044.404	35.404.690.088
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	32.344.044.404	35.404.690.088
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.227.411.129	7.942.947.872
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	-	976.288.560
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		6.227.411.129	6.966.659.312
TÓNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.940.584.933.142	3.885.404.322.670

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		31/12/2022	01/01/2022
	số	minh		
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		582.891.655.393	1.103.440.714.048
I. Nợ ngắn hạn	310		365.337.595.236	609.628.153.491
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	8.713.261.860	33.142.423.453
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.816.915	1.816.915
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	9.365.743.037	2.886.569.388
4. Phải trả người lao động	314		14.370.041.452	15.551.289.360
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	11.600.207.370	14.827.375.326
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	18.418.505.932	16.088.005.942
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	296.625.037.971	522.091.907.371
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.242.980.699	5.038.765.736
II. Nợ dài hạn	330		217.554.060.157	493.812.560.557
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	418.946.277	377.248.003
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	217.135.113.880	493.435.312.554
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.357.693.277.749	2.781.963.608.622
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	3.357.693.277.749	2.781.963.608.622
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.352.322.103.444	2.352.322.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.352.322.103.444	2.352.322.103.444
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.204.520.935	12.318.667.089
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		928.180.872.075	352.337.056.794
- LNST chưa PPLK đến cuối năm trước	421a		344.707.066.794	220.963.899.900
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		583.473.805.281	131.373.156.894
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.940.584.933.142	3.885.404.322.670

Nghệ An, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2022	Năm 2021
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.175.592.436.552	691.109.131.943
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.175.592.436.552	691.109.131.943
4. Giá vốn hàng bán	11	21	467.528.992.665	426.109.546.667
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		708.063.443.887	264.999.585.276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.672.303.178	4.658.027.949
7. Chi phí tài chính	22	22	72.047.817.145	104.980.687.692
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		69.102.980.265	102.638.348.354
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	28.053.101.755	24.468.997.926
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		614.634.828.165	140.207.927.607
11. Thu nhập khác	31		55.120.310	58.201.306
12. Chi phí khác	32		283.344.012	1.691.076.169
13. Lợi nhuận khác	40		(228.223.702)	(1.632.874.863)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		614.406.604.463	138.575.052.744
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	30.932.799.182	7.201.895.850
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		583.473.805.281	131.373.156.894
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.480	526

Nghệ An, ngày 13 tháng 02 năm 2023

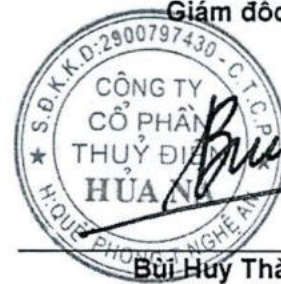
Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	614.406.604.463	138.575.052.744
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	284.191.159.958	284.043.007.542
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.672.303.178)	(4.658.027.949)
- Chi phí lãi vay	06	70.602.980.265	103.638.348.354
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	962.528.441.508	521.598.380.691
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(60.320.776.423)	51.043.866.522
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4.330.329.369	(23.115.440)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(8.995.370.444)	(12.495.088.648)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	827.712.428	2.890.691.511
- Tiền lãi vay đã trả	14	(70.972.089.572)	(105.930.218.448)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24.332.369.894)	(6.423.284.438)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	22.600.000	25.380.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.469.676.728)	(6.517.109.761)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	796.618.800.244	444.169.501.989
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(24.004.073.458)	(53.280.294.487)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.687.708.015	4.577.096.442
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(218.316.365.443)	(48.703.198.045)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	18.824.839.297	232.283.572.178
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(522.091.907.371)	(531.112.832.096)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(503.267.068.074)	(298.829.259.918)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	75.035.366.727	96.637.044.026
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	170.608.725.829	73.971.681.803
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	245.644.092.556	170.608.725.829

Nghệ An, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh là 2.352.322.100.000 đồng tương ứng với 235.232.210 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch tại sàn chứng khoán Upcom với mã cổ phiếu là HNA.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 116 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 117 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, mua bán điện năng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà để ở ở;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hòa Na.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trích lập phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị quản lý	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định khắc phục sự cố có giá trị lớn và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm tài chính do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả các nhà thầu và chi phí hoạt động khác.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định nhà máy thủy điện Hòa Na. Các khoản dự phòng phải trả hàng kỳ được ghi nhận dựa trên cơ sở ước tính của Công ty về tổng giá trị các khoản phí cần thiết để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa cho mỗi chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định là 48 tháng và phân bổ đều cho số tháng thực hiện. Chi phí thực tế bỏ ra để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định phát sinh trong kỳ được hạch toán giảm vào số dự phòng phải trả.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào biên bản tổng hợp giao nhận điện năng giữa Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận bao gồm các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt tính trong giá quyết toán hàng tháng với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng chung Tổng Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	27.661.377	187.867.958
Tiền gửi ngân hàng	65.568.729.050	70.420.857.871
Các khoản tương đương tiền (i)	180.047.702.129	100.000.000.000
Cộng	<u>245.644.092.556</u>	<u>170.608.725.829</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 01 tháng, lãi suất 6%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ 04 tháng đến 06 tháng, lãi suất từ 6%/năm đến 8,3%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	199.025.954.761	134.432.889.709
Các khách hàng khác	4.503.419	4.503.419
Cộng	<u>199.030.458.180</u>	<u>134.437.393.128</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty CP Tư vấn Xây dựng công trình Thăng Long	323.301.900	323.301.900
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Kiểm định xây dựng Miền Trung	-	545.081.407
Công ty Cổ phần truyền dẫn Long Biên	670.104.160	-
Công ty TNHH xây dựng Thạch Phát	411.466.380	100.391.694
Các nhà cung cấp khác	1.081.708.315	1.146.308.993
Cộng	<u>2.486.580.755</u>	<u>2.115.083.994</u>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Lãi dự thu	1.208.334.889	-	223.739.726	-
Tạm ứng	486.131.352	-	312.795.829	-
Ký quỹ ngắn hạn	26.332.000	-	25.782.000	-
Phải thu tiền thuế TNCN	2.782.951	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	184.195.466	-	184.216.415	-
Cộng	1.907.776.658	-	746.533.970	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	388.650.325	240.074.193
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	206.850.000	194.100.000
Chi phí bảo hiểm sản xuất, vận hành	45.191.281	45.974.193
Chi phí khác	136.609.044	-
Dài hạn	-	976.288.560
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	976.288.560
Cộng	388.650.325	1.216.362.753

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.306.265.278	-	24.898.858.464	-
Công cụ, dụng cụ	15.873.820	-	14.361.820	-
Cộng	21.322.139.098	-	24.913.220.284	-

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hủa Na	28.207.648.414	26.190.106.820
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.295.982.054	4.370.454.845
Chi phí xây dựng khác	2.840.413.936	4.844.128.423
Cộng	32.344.044.404	35.404.690.088

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Lãi vay dự trả	8.565.765.897	10.434.875.204
Chi phí phải trả nhà thầu	2.295.659.495	3.386.133.246
Chi phí phải trả khác	738.781.978	1.006.366.876
Cộng	<u>11.600.207.370</u>	<u>14.827.375.326</u>

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	18.418.505.932	16.088.005.942
Các loại thuế, phí tạm tính chưa kê khai (i)	17.740.098.787	15.755.799.330
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm	92.302.484	43.097.042
Các khoản phải trả, phải nộp khác	586.104.661	289.109.570
Dài hạn	418.946.277	377.248.003
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	418.946.277	377.248.003
Cộng	<u>18.837.452.209</u>	<u>16.465.253.945</u>

- (i) Phản ánh số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An về các khoản phải nộp về thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường và phí cấp quyền sử dụng nước mặt mà Công ty tạm tính, chưa kê khai và nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2022	4.504.579.882.003	1.344.127.123.215	9.474.236.234	5.768.302.765	5.863.949.544.217
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.591.430.616	-	-	-	5.591.430.616
Mua trong năm	-	-	808.946.091	495.187.778	1.304.133.869
Tại ngày 31/12/2022	4.510.171.312.619	1.344.127.123.215	10.283.182.325	6.263.490.543	5.870.845.108.702
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2022	1.612.697.884.600	732.126.587.517	6.005.202.508	5.117.750.527	2.355.947.425.152
Khấu hao trong năm	183.868.743.820	99.855.580.744	468.827.113	320.013.324	284.513.165.001
Tại ngày 31/12/2022	1.796.566.628.420	831.982.168.261	6.474.029.621	5.437.763.851	2.640.460.590.153
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	2.891.881.997.403	612.000.535.698	3.469.033.726	650.552.238	3.508.002.119.065
Tại ngày 31/12/2022	2.713.604.684.199	512.144.954.954	3.809.152.704	825.726.692	3.230.384.518.549
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	5.387.835.866	2.680.701.567	4.864.612.598	4.395.305.674	17.328.455.705

Như đã trình bày ở thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	-	-	2.762.925.272	2.762.925.272
Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	-	700.562.682	700.562.682
Phải trả người bán khác				
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	-	-	3.980.051.210	3.980.051.210
Ban điều hành dự án thủy điện Hủa Na - Tổng Công ty Sông Đà	-	-	14.844.788.087	14.844.788.087
Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thủy điện Hủa Na	911.525.637	911.525.637	695.038.689	695.038.689
Công ty TNHH xây dựng Thạch Phát	1.113.918.596	1.113.918.596	1.279.574.290	1.279.574.290
Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Sơn Lâm	580.532.919	580.532.919	1.023.019.781	1.023.019.781
Các nhà cung cấp khác	6.107.284.708	6.107.284.708	7.856.463.442	7.856.463.442
Cộng	8.713.261.860	8.713.261.860	33.142.423.453	33.142.423.453

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	93.266.052.076	93.266.052.076	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.715.112.213	30.932.799.182	24.332.369.894	9.315.541.501
Thuế thu nhập cá nhân	171.457.175	4.588.627.369	4.709.883.008	50.201.536
Thuế tài nguyên nước	-	77.673.492.272	77.673.492.272	-
Phí bảo vệ môi trường rừng	-	27.563.500.224	27.563.500.224	-
Phí cấp quyền sử dụng nước mặt	-	9.365.469.000	9.365.469.000	-
Các loại thuế, phí khác	-	202.043.280	202.043.280	-
Cộng	2.886.569.388	243.591.983.403	237.112.809.754	9.365.743.037

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****18.1 Chi tiết vay và nợ thuê tài chính**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	296.625.037.971	522.091.907.371
Các khoản vay dài hạn đến hạn trả (18.3)	147.125.037.971	522.091.907.371
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (18.2)	149.500.000.000	-
Dài hạn	217.135.113.880	493.435.312.554
Các khoản vay dài hạn (18.4)	217.135.113.880	345.435.312.554
Trái phiếu thường phát hành theo mệnh giá (18.2)	-	148.000.000.000
Cộng	<u>513.760.151.851</u>	<u>1.015.527.219.925</u>

18.2 Trái phiếu thường

	<u>31/12/2022</u>			<u>01/01/2022</u>		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn/ phân bổ	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn/ phân bổ
	VND	%	tháng	VND	%	tháng
Trái phiếu thường						
- Mệnh giá trái phiếu	150.000.000.000	9,00%	24	150.000.000.000	9,00%	24
- Chi phí phát hành	(500.000.000)		24	(2.000.000.000)		24
Cộng	<u>149.500.000.000</u>			<u>148.000.000.000</u>		

Công ty phát hành 1.500.000 trái phiếu thường, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, giá bán bằng mệnh giá trái phiếu với kỳ hạn 02 năm từ ngày 28/04/2021 đến ngày 28/04/2023. Mục đích phát hành là để cơ cấu lại nguồn vốn vay. Lãi suất trái phiếu trong kỳ đầu tiên là 9,9%/năm, lãi suất các kỳ tiếp theo bằng 2,9% + trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tài khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của 5 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội nhưng không thấp hơn 9%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu là 3.000.000.000 đồng được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Chi phí phát hành chưa phân bổ tại ngày 31/12/2022 là 500.000.000 đồng.

13.3 Vay dài hạn đến hạn trả

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phân loại	Trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (1)	85.053.678.560	85.053.678.560	32.774.678.560	85.053.678.560	32.774.678.560	32.774.678.560
Ngân hàng TMCP An Bình (2)	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	341.086.228.811	341.086.228.811	-	341.086.228.811	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (3)	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (4)	-	-	18.398.359.411	-	18.398.359.411	18.398.359.411
Cộng	522.091.907.371	522.091.907.371	147.125.037.971	522.091.907.371	147.125.037.971	147.125.037.971

13.4 Vay dài hạn

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay	Phân loại	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (1)	60.938.214.936	60.938.214.936	-	32.774.678.560	28.163.536.376	28.163.536.376
Ngân hàng TMCP An Bình (2)	184.984.560.000	184.984.560.000	-	60.000.000.000	124.984.560.000	124.984.560.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (3)	53.943.118.976	53.943.118.976	-	35.952.000.000	17.991.118.976	17.991.118.976
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (4)	45.569.418.642	45.569.418.642	18.824.839.297	18.398.359.411	45.995.898.528	45.995.898.528
Cộng	345.435.312.554	345.435.312.554	18.824.839.297	147.125.037.971	217.135.113.880	217.135.113.880

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thông tin các hợp đồng vay của Công ty như sau:

TT	Ngân hàng	Số hợp đồng	Hạn mức (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Lãi suất tại	
						31/12/2022	Tài sản đảm bảo
(1)	03 ngân hàng gồm Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bắc Á	01.09.001.286688.TD ngày 18 tháng 8 năm 2009 và phụ lục số 01.09.001.286688.TD tháng 08 năm 2012	60,94	Thanh toán một phần các chi phí đầu tư máy móc thiết bị thủy công, thủy lực (không bao gồm lãi vay trong thời gian xây dựng) của Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Hủa Na	Từ năm 2015 đến năm 2024	10,50%	Toàn bộ công trình, quyền tài sản hình thành từ công trình và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
(2)	Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	124.12/HĐTD/II ngày 17 tháng 12 năm 2012	40	Thanh toán các chi phí thi công của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hủa Na	Từ năm 2015 đến năm 2024	8,52%	Máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của dự án và bảo lãnh của Tổng công ty điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
		182/16/TD-TT/II ngày 21 tháng 01 năm 2016	144,98	Tài trợ các khoản chi phí tăng thêm sau khi điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Hủa Na	Từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 1 năm 2026	9,80%	Giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
(3)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	12.08.005/HĐTD-HUANA ngày 05 tháng 03 năm 2012	53,94	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Dự án đầu tư nhà máy Thủy điện Hủa Na	Từ năm 2014 đến năm 2024	12,00%	Tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
(4)	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	MMD202113392590/HĐTD ngày 25/05/2021	64,39	Trả nợ nhà thầu, thanh toán chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (dự án thủy điện Hủa Na)	60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên	9,00%	Bảo lãnh thanh toán của TCT điện lực Dầu khí Việt Nam và các tài sản bảo đảm khác được các bên thỏa thuận sử dụng đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ nợ tại Techcombank

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	2.352.322.103.444	64.985.781.295	12.362.677.907	225.249.359.900	2.654.919.922.546
Lãi trong năm	-	-	-	131.373.156.894	131.373.156.894
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.285.460.000)	(4.285.460.000)
Giảm khác	-	-	(44.010.818)	-	(44.010.818)
Tại ngày 01/01/2022	2.352.322.103.444	64.985.781.295	12.318.667.089	352.337.056.794	2.781.963.608.622
Lãi trong năm	-	-	-	583.473.805.281	583.473.805.281
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(7.629.990.000)	(7.629.990.000)
Giảm khác	-	-	(114.146.154)	-	(114.146.154)
Tại ngày 31/12/2022	2.352.322.103.444	64.985.781.295	12.204.520.935	928.180.872.075	3.357.693.277.749

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 19/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022, theo đó: Trích quỹ khen thưởng người quản lý Công ty là 637.308.000 đồng, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 6.992.682.000 đồng.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.898.727.600.000	80,72%	1.898.727.600.000	80,72%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	115.500.000.000	4,91%	115.500.000.000	4,91%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	105.000.000.000	4,46%	105.000.000.000	4,46%
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,71%	87.200.270.000	3,71%
Các cổ đông khác	145.894.230.000	6,20%	145.894.230.000	6,20%
Cộng	2.352.322.100.000	100%	2.352.322.100.000	100%

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	235.232.210	235.232.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	235.232.210	235.232.210
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	235.232.210
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	235.232.210	235.232.210
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	235.232.210
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán điện	1.059.121.978.475	608.952.009.279
Thuế tài nguyên nước, thuế bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác mặt nước	116.470.458.077	82.157.122.664
Cộng	<u>1.175.592.436.552</u>	<u>691.109.131.943</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	351.058.534.588	343.952.424.003
Thuế tài nguyên nước, thuế bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác mặt nước	116.470.458.077	82.157.122.664
Cộng	<u>467.528.992.665</u>	<u>426.109.546.667</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	69.102.980.265	102.638.348.354
Phí bảo lãnh các hợp đồng vay	1.444.836.880	1.342.339.338
Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	1.500.000.000	1.000.000.000
Cộng	<u>72.047.817.145</u>	<u>104.980.687.692</u>

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	19.143.772.671	18.435.104.763
Chi phí vật liệu quản lý	712.650.981	318.990.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.356.883.751	1.347.717.084
Thuế, phí và lệ phí	4.065.000	4.065.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.384.741.538	2.337.213.040
Chi phí khác bằng tiền	4.450.987.814	2.025.907.459
Cộng	<u>28.053.101.755</u>	<u>24.468.997.926</u>

24. CHI PHÍ SÀN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.754.973.293	12.451.903.101
Chi phí nhân công	49.363.012.615	43.996.677.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	284.191.159.958	284.043.007.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.194.094.406	20.793.051.308
Chi phí thuế tài nguyên, phí môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt	116.470.458.077	82.157.122.664
Chi phí khác bằng tiền	12.608.396.071	7.136.782.401
Cộng	495.582.094.420	450.578.544.593

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	614.406.604.463	138.575.052.744
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	4.229.814.627	5.462.864.250
Thu nhập chịu thuế	618.636.419.090	144.037.916.994
Thuế suất	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	61.863.641.909	14.403.791.699
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(30.931.820.955)	(7.201.895.850)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	978.227	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.932.799.182	7.201.895.850

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hòa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc điều chỉnh (nếu có) sẽ được Công ty thực hiện khi có kết quả kiểm tra chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	583.473.805.281	131.373.156.894
Trừ: quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(7.629.990.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	583.473.805.281	123.743.166.894
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	235.232.210	235.232.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.480	526

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2022, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 có thể được điều chỉnh phụ thuộc vào việc trích các quỹ của công ty từ lợi nhuận sau thuế. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được điều chỉnh lại theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 19/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022 về trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 134/HĐ-TĐ ngày 09/09/2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 809.930 m² đất tại xã Đông Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An để thực hiện xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Thời hạn thuê đất là 46 năm kể từ ngày 09/09/2011 đến ngày 26/03/2058. Theo Quyết định số 1016/QĐ-CT ngày 09/06/2014 của Cục thuế tỉnh Nghệ An, Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng (từ tháng 08 năm 2011 đến hết tháng 07 năm 2013) và thời gian ưu đãi đầu tư (từ tháng 08 năm 2013 đến hết tháng 07 năm 2028).

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có số dư vào giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	354.660.367

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Phí bảo lãnh		
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.444.836.880	1.342.339.338
Phí nhãn hiệu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.385.750.526	402.344.128
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	907.185.369	3.349.830.620

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	1.175.607.678	964.025.464
Ông Lê Hải Long	Ủy viên HĐQT	101.000.000	70.000.000
Ông Vũ Văn Tâm	Ủy viên HĐQT	101.000.000	70.000.000
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc, ủy viên HĐQT	1.185.471.777	978.179.815
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc	1.072.208.621	871.698.691
Ông Trần Văn Biên	Phó Giám đốc	-	546.295.271
Ông Bùi Huy Thành	Giám đốc, ủy viên HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 01/01/2023) Phó giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)	1.071.387.348	832.684.128
Ông Đoàn Văn Trường	Phó Giám đốc	1.037.916.555	321.470.323
Ông Nguyễn Trọng Thạch	Phó Giám đốc	801.254.210	22.697.651
Cộng		6.545.846.188	4.677.051.343

29. THÔNG TIN KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Ban kiểm soát	1.188.235.266	927.645.053

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

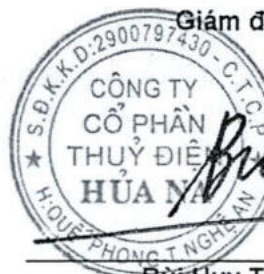
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Nghệ An, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Trần Thị Thu Hà

Bùi Huy Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH
TRÁI PHIẾU ĐẾN NGÀY 31/12/2022

Nghệ An, tháng 02 năm 2023

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH NĂM 2021 ĐẾN NGÀY 31/12/2022	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH NĂM 2021 ĐẾN NGÀY 31/12/2022	7 - 8

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na ("Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong năm 2021 đến ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty tại ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)
Ông Bùi Huy Thành	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 01/01/2023)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên
Ông Lê Hải Long	Ủy viên
Ông Vũ Văn Tâm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)
Ông Bùi Huy Thành	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2023)
	Phó giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó giám đốc
Ông Đoàn Văn Trường	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thạch	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu trong năm 2021 và đến ngày 31/12/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình phát hành và sử dụng vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 15/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ-HHC-HĐQT ngày 22/04/2021 và các Hợp đồng đặt mua trái phiếu.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng các báo cáo này đã được trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với cơ sở lập và trình bày báo cáo tình hình sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu, được trình bày tại thuyết minh số 2 - Cơ sở lập và trình bày báo cáo trong bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn, các yêu cầu công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Bùi Huy Thành
Giám đốc

Nghệ An, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Số: 04 /2023/ BCKT- AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu HNAB2123001 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 15/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ-HHC-HĐQT ngày 22/04/2021 và các Hợp đồng đặt mua trái phiếu và bản thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo (sau đây gọi chung là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn"), được lập ngày 13/02/2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 8. Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập theo cơ sở được trình bày tại thuyết minh số 2 trong bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến công tác sử dụng vốn từ việc phát hành trái phiếu trong công ty cổ phần. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu năm 2021 và đến ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày tại thuyết minh số 2 phần Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu.

Giới hạn đối tượng nhận Báo cáo kiểm toán

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo đến thuyết minh số 2 phần Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn mô tả cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu. Báo cáo này chỉ được sử dụng để nộp cho các Cơ quan quản lý Nhà nước và các bên có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành. Vì vậy, Báo cáo có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.



Ngô Việt Thanh

Phó Tổng giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Hoàng Việt

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4988-2019-055-1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN
THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU
Trong năm 2021 và đến ngày 31/12/2022**

Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
Địa chỉ : Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung,
phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

PHẦN I: THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Mã trái phiếu : HNAB2123001
2. Loại trái phiếu : Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có đảm bảo
3. Mệnh giá : 100.000 đồng/1 trái phiếu
4. Tổng số lượng trái phiếu : 1.500.000 trái phiếu
5. Khối lượng trái phiếu phát hành : 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)
6. Lãi suất : Cố định và thả nổi
7. Ngày hoàn thành phát hành : 28 tháng 04 năm 2021
8. Ngày đáo hạn : 28 tháng 04 năm 2023 (2 năm kể từ ngày phát hành)

Kết quả phát hành:

9. Tổng số trái phiếu đã phát hành : 1.500.000 trái phiếu
10. Tổng số tiền thu được : 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)
11. Trái chủ :

Trái chủ	Số lượng trái phiếu	Giá trị nắm giữ (VND)	Tỉ trọng (%)
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB	1.200.000	120.000.000.000	80%
Bà Đoàn Kim Dung	180.000	18.000.000.000	12%
Ông Lê Xuân Lập	30.000	3.000.000.000	2%
Bà Trần Minh Ngọc	30.000	3.000.000.000	2%
Ông Bạch Thế Phong	10.000	1.000.000.000	0,67%
Bà Tạ Thị Na	50.000	5.000.000.000	3,33%
Cộng	1.500.000	150.000.000.000	100%

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN
THU ĐƯỢC TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**
Trong năm 2021 và đến ngày 31/12/2022 (Tiếp theo)

PHẦN II: TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Mục đích sử dụng vốn

Mục đích sử dụng trái phiếu theo Phương án phát hành trái phiếu HNAB2123001 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na là để cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ chức phát hành (được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 15/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ-HHC-HĐQT ngày 22/04/2021).

2. Tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu HNAB2123001

Toàn bộ số vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu được Công ty sử dụng để cơ cấu các khoản nợ của Tổ chức phát hành từ ngày 24/05/2021 đến ngày 19/08/2021, chi tiết như sau:

Tổ chức phát hành	Phương án phát hành		Thực tế giải ngân	
	Thời gian giải ngân	Giá trị giải ngân (VND)	Thời gian giải ngân	Giá trị giải ngân (VND)
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	Tháng 5/2021 và 6/2021	4.682.739.116	24/05/2021, 22/06/2021	4.682.739.116
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	Từ tháng 5/2021 đến 31/08/2021	91.837.818.812	24/05/2021, 22/06/2021, 21/07/2021, 19/08/2021	91.837.818.812
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Từ tháng 5/2021 đến 31/07/2021	12.008.861.783	24/05/2021, 22/06/2021, 21/07/2021	12.008.861.783
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	Tháng 6/2021 và 7/2021	41.470.580.289	22/06/2021, 21/07/2021	41.470.580.289
Cộng		150.000.000.000		150.000.000.000

Nghệ An, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Người lập



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh là 2.352.322.100.000 đồng tương ứng với 235.232.210 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch tại sàn chứng khoán Upcom với mã cổ phiếu là HNA.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, mua bán điện năng;
- Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh khách sạn;
- Đầu tư xây dựng nhà để ở;
- Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện
- Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện;
- Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;
- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hòa Na.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

2.1. Mục đích sử dụng báo cáo tình hình sử dụng vốn

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập và sử dụng để báo cáo tình hình sử dụng số vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu HNAB2123001 trong năm 2021 và đến ngày 31/12/2022.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được trình bày tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Nghị định 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của nghị định số 153/2020/NĐ-CP và các quy định pháp lý khác có liên quan. Báo cáo này được lập để phục vụ cho mục đích báo cáo theo luật định và các bên có liên quan tới việc mua trái phiếu của Công ty. Vì thế báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn

2.2. Cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ trái phiếu

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu HNAB2123001 của Công ty được lập dựa trên các hồ sơ pháp lý, các số liệu phản ánh trên sổ sách, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày 31/12/2022, tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán cũng như các quy định pháp lý có liên quan. Trong đó:

- Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu HNAB2123001 được ghi nhận vào nợ phải trả của Công ty tại ngày thu tiền thực tế, theo số thực thu;
- Số tiền chi từ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu được ghi nhận theo số tiền giải ngân thực tế cho các ngân hàng theo đúng mục đích sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được Công ty sử dụng để trả các khoản nợ vay ngân hàng, chi tiết như sau:

STT	Tổ chức phát hành	Thời gian giải ngân	Giá trị giải ngân (VND)
1.	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	24/05/2021	4.454.593.206
		22/06/2021	228.145.910
		Cộng	4.682.739.116
2.	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	24/05/2021	23.471.127.066
		22/06/2021	23.424.381.301
		21/07/2021	23.162.377.066
		19/08/2021	21.779.933.379
		Cộng	91.837.818.812
3.	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	24/05/2021	988.433.381
		22/06/2021	10.044.601.201
		21/07/2021	975.827.201
		Cộng	12.008.861.783
4.	Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	22/06/2021	13.427.555.556
		21/07/2021	28.043.024.733
		Cộng	41.470.580.289

4. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày lập báo cáo tình hình sử dụng vốn cần được thuyết minh trên báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu năm 2021 và đến ngày 31/12/2022.

Nghệ An, ngày 13 tháng 02 năm 2023

Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

Số: 188/Tr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 27 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua kế hoạch tài chính năm 2023
của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/9/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt và ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, bao gồm:

- Kế hoạch tài chính năm 2023 (Phụ lục 01 kèm theo);
- Kế hoạch dòng tiền năm 2023 (Phụ lục 02 kèm theo).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



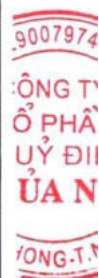
Hoàng Xuân Thành

PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2022

Kèm theo Tờ trình số 188/TTr-HHC-HĐQT ngày 27/3/2023 của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
A	Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023			
I	Sản lượng điện 2023	Triệu Kwh	645,79	Kế hoạch SXKD 2023
II	Doanh thu năm 2023	Tỷ đồng	733,47	Kế hoạch SXKD 2023
1	Doanh thu phát điện	Tỷ đồng	728,90	"
2	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	4,58	"
III	Chi phí sản xuất 2023	Tỷ đồng	572,09	Kế hoạch SXKD 2023
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	Tỷ đồng	5,850	"
2	Chi phí nhân công	Tỷ đồng	49,10	"
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Tỷ đồng	290,077	"
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tỷ đồng	31,24	"
5	Chi phí thuê tài nguyên, nước mặt và môi trường rừng	Tỷ đồng	92,82	"
6	Chi phí sửa chữa TSCĐ	Tỷ đồng	45,98	"
7	Chi phí khác	Tỷ đồng	16,03	"
8	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	40,99	"
IV	Lợi nhuận trước thuế 2023	Tỷ đồng	161,38	Kế hoạch SXKD 2023
V	Nộp Ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	173,77	Kế hoạch SXKD 2023
B	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC	Tỷ đồng	62,69	Kế hoạch SXKD 2023
I	Kế hoạch đầu tư XDCB	Tỷ đồng	47,43	"
II	Kế hoạch trang bị tài sản cố định, thiết bị, phương tiện ...	Tỷ đồng	13,26	"
III	Khảo sát nghiên cứu đầu tư các dự án mới	Tỷ đồng	2,00	"
C	Cân đối tiền 2023			
I	Số dư tiền năm 2022 chuyển sang	Tỷ đồng	445,617	BCTC 2022



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
II	Dự kiến dòng tiền thu	Tỷ đồng	788,30	Dòng tiền 2023
1	Tiền thu bán điện từ EVN	Tỷ đồng	783,73	"
2	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	4,58	"
III	Dự kiến dòng tiền chi	Tỷ đồng	1.092,80	
1	Chi phí O&M (Lương và chi phí QL VH)	Tỷ đồng	168,11	Dòng tiền 2023
2	Chi phí trả lãi vay	Tỷ đồng	40,46	"
3	Chi phí trả nợ gốc vay	Tỷ đồng	297,13	"
4	Chi nộp NSNN	Tỷ đồng	171,57	"
5	Chi đầu tư, mua sắm TSCĐ	Tỷ đồng	15,26	Kế hoạch SXKD 2023
6	Chi cho Dự án Đầu tư	Tỷ đồng	47,43	"
7	Chia cổ tức	Tỷ đồng	352,85	"
IV	Cân đối dòng tiền	Tỷ đồng	141,13	

PHỤ LỤC 02: KẾ HOẠCH CÂN ĐỐI DÒNG TIỀN NĂM 2023

Kèm theo Tờ trình số 188/TTr-HHC-HĐQT ngày 27/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na

DVT: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu kế hoạch	Kế hoạch năm 2023													Ghi chú
		Tổng cộng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
A	SỐ DƯ ĐẦU KỶ	445.617	445.617	365.972	430.487	440.599	334.011	439.662	381.493	126.741	143.994	140.843	181.467	280.269	
B	SỐ THU TRONG KỶ (I+II+III)	788.305	463	94.592	64.300	65.781	134.404	22.478	35.934	52.539	66.928	74.299	123.444	53.142	
I	Thu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	783.726	0	94.124	63.768	65.283	134.017	22.079	35.568	52.172	66.555	73.915	123.335	52.909	
1	Sản lượng điện (triệu Kwh)	646	37,76	69,87	16,00	29,34	40,84	53,92	60,75	101,22	90,92	82,22	32,09	30,86	
2	Doanh thu bán điện chưa VAT	728.895	59.348	121.833	20.072	32.335	47.429	60.504	67.195	112.123	48.100	90.581	35.365	34.010	
3	VAT	72.890	5.935	12.183	2.007	3.233	4.743	6.050	6.720	11.212	4.810	9.058	3.537	3.401	
II	Thu doanh thu hoạt động tài chính	4.579	463	468	532	498	388	399	366	367	374	384	109	232	
C	SỐ CHI TRONG KỶ (I+II+...+IX)	1.092.796	80.108	30.078	54.189	172.369	28.753	80.648	290.686	35.286	70.080	33.675	24.642	192.284	
I	Thanh toán chi phí O& M khác	45.678	6.991	2.700	3.806	3.806	3.806	3.806	3.806	3.806	3.806	3.806	3.806	1.728	
II	Thanh toán chi phí sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy	47.474	1.925	499	8.440	748	0	7.512	6.204	0	6.514	2.354	249	13.029	
III	Thanh toán chi phí tài chính	339.410	26.955	14.531	13.618	157.561	1.890	34.173	26.687	14.309	13.368	302	1.164	34.852	
1	Chi trả lãi vay dài hạn	40.458	6.955	2.010	763	7.561	1.890	5.986	6.687	1.789	513	302	1.164	4.838	
2	Chi trả gốc vay dài hạn	297.125	20.000	12.521	12.855	150.000	0	28.187	20.000	12.521	12.855	0	0	28.187	
3	Chi trả lãi vay vốn lưu động	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Chi trả gốc vay vốn lưu động	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Phí bảo lãnh của PVPower	1.827												1.827	
IV	Thanh toán chi phí mua công cụ dụng cụ	4.206	350	350	350	350	350	350	350	350	350	350	350	350	
V	Thanh toán các khoản thuế, phí	177.713	29.085	7.261	18.578	6.442	5.478	8.135	13.907	11.347	26.813	22.363	16.072	12.231	
1	Thuế tài nguyên nước	61.287	3.962	3.520	6.513	1.492	2.735	3.807	5.026	5.663	9.436	8.476	7.665	2.991	
2	Phí môi trường rừng	19.552	1.530			4.451			4.468			9.104			
3	Phí quyền khai thác nước mặt	9.365	9.365												
4	Thuế VAT (sau khấu trừ)	63.980	4.912	3.741	12.065	500	2.743	4.327	4.413	5.683	10.549	3.543	8.407	3.096	
5	Thuế TNDN	17.385	9.316								6.828	1.241			
6	Phí nhân hiệu của Tập đoàn	6.144												6.144	



STT	Các chỉ tiêu kế hoạch	Kế hoạch năm 2023													Ghi chú
		Tổng cộng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
VI	Thanh toán tiền lương và các khoản trích nộp theo lương, thưởng VHAT	55.368	13.842	2.999	6.921	3.460	2.999	2.999	4.499	2.999	2.999	4.499	2.999	4.153	
VII	Thanh toán các dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	7.410	959	1.737	0	0	0	1.279	0	2.475	0	0	0	959	
VIII	Chi đầu tư và mua TSCĐ, thiết bị, phương tiện	15.262			2.475			3.421			2.000			7.365	
IX	Chi trả cổ tức (dự kiến 15%, sẽ điều chỉnh tại thời điểm trình PA chia)	352.848							235.232	0				117.616	
X	Chi cho hoạt động dự án	47.428					14.228	18.971			14.228				
D	CÂN ĐÓI SỐ DƯ CUỐI KỲ (A+B-C)	141.126	365.972	430.487	440.599	334.011	439.662	381.493	126.741	143.994	140.843	181.467	280.269	141.126	

Nghệ An, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Số: 189/TTr-HHC-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng công ty cổ phần, vốn góp chi phối Nhà nước;

Căn cứ thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông Kế hoạch tiền lương/thù lao năm 2023 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty như sau:

1. Tình hình tiền lương/thù lao, thu nhập và chi phí hoạt động năm 2022 của HĐQT, BKS

ĐVT: VNĐ

TT	Nội dung	Thực hiện 2022	Ghi chú
1	Thu nhập HĐQT, BKS chuyên trách (bao gồm tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác được hưởng theo quy định)	4.473.523.342	
1.1	Chủ tịch HĐQT	1.175.607.678	
1.2	Thành viên HĐQT, Giám đốc	1.185.471.777	

TT	Nội dung	Thực hiện 2022	Ghi chú
1.3	Thành viên HĐQT, Phó GD	1.072.208.621	
1.4	Trưởng BKS	1.040.235.267	
2	Thù lao HĐQT, BKS kiêm nhiệm	336.000.000	
2.1	Thù lao Thành viên HĐQT (02 người)	192.000.000	8tr/ng/th
2.2	Thù lao Thành viên BKS (02 người)	144.000.000	6tr/ng/th
3	Chi phí hoạt động	186.665.126	
-	Chi phí hội họp, ăn, nghỉ...	186.665.126	
	Cộng	4.996.188.468	

2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023.

2.1 Kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát kiêm nhiệm và chi phí chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023

TT	Nội dung	Đơn giá (VNĐ)	Số tháng	Số người	Thành tiền (VNĐ)
1	Thù lao				336.000.000
1.1	Thành viên HĐQT	8.000.000	12	02	192.000.000
1.2	Ủy viên Ban KS	6.000.000	12	02	144.000.000
2	Chi phí hoạt động				635.000.000
2.1	Chi phí đi lại				240.000.000
2.2	Chi phí hội nghị				115.000.000
2.3	Chi phí khác				130.000.000
2.4	Chi phí làm việc của HĐQT với các cơ quan ban ngành				150.000.000
	Tổng cộng				971.000.000

Thù lao của các thành viên HĐQT và BKS nêu trên chưa bao gồm các khoản: tiền thưởng, phúc lợi,... được hưởng theo quy định của Nhà nước/Công ty.

2.2 Kế hoạch tiền lương, thu nhập năm 2023 của HĐQT và BKS làm việc theo chế độ chuyên trách

Dự kiến kế hoạch tiền lương năm 2023 của HĐQT, BKS chuyên trách như sau:

STT	Chức danh (chuyên trách)	Số người	Dự kiến Tổng tiền lương trước thuế (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	789.605.753
2	Thành viên HĐQT, GD	1	755.275.068
3	Thành viên HĐQT, PGĐ	1	720.944.384
4	Trưởng Ban Kiểm soát	1	686.613.699
	Tổng cộng	4	2.952.438.904

- Việc xác định tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi của HĐQT, BKS năm 2023: Thực hiện theo quy định của Nhà nước (Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước), theo Quy chế trả lương và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tổng tiền lương kế hoạch trước thuế của các thành viên HĐQT và BKS nêu trên chưa bao gồm các khoản: Thưởng vận hành an toàn, các khoản tiền thưởng, phúc lợi,.... được hưởng theo quy định của Nhà nước/Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành



Số: 190/TTTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 27 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/9/2018 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt và ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 08/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 với các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

ĐVT: VNĐ

TT	Nội dung	Phân phối lợi nhuận 2022		Ghi chú
		Mức trích	Số tiền	
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2022		928.180.872.075	
1.1	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2021 chuyển sang		344.707.066.794	
1.2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022		583.473.805.281	

TT	Nội dung	Phân phối lợi nhuận 2022		Ghi chú
		Mức trích	Số tiền	
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022		425.648.435.528	
2.1	Trích Quỹ đầu tư và phát triển	10%	58.347.380.528	
2.2	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	05 tháng lương BQ NLD	13.675.140.000	<i>Lương BQ NLD: 2.735.028.000</i>
2.3	Trích quỹ thưởng người quản lý	1,5 tháng lương BQ NQL	777.600.000	<i>Lương BQ NQL: 518.400.000</i>
2.4	Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền	15%	352.848.315.000	<i>= 15%*VDL</i>
3	Lợi nhuận còn lại sau phân phối		502.532.436.547	

2. Ủy quyền cho HĐQT Công ty xem xét quyết định:

Lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức phù hợp với khả năng cân đối dòng tiền.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành

Nghệ An, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Số: 191/TT-HHC-HĐQT

TỜ TRÌNH

**V/v: Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính
năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Nhằm thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng, có tính cạnh tranh. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp nhận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;

- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, uy tín, trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất đơn vị kiểm toán:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 như sau:

✓ Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

✓ Công ty TNHH Kiểm toán VACO;

✓ Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách nêu trên, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu: VT/TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành

Số 192 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 27 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc đăng ký niêm yết cổ phiếu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (HNA) đang được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (UPCOM) (chính thức đăng ký giao dịch từ ngày 5/10/2017), tính đến thời điểm hiện tại cổ phiếu HNA đã được giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM hơn 05 năm.

Sau khi xem xét, HĐQT nhận thấy đến thời điểm hiện tại Công ty đã đáp ứng đủ các điều kiện niêm yết cổ phiếu. Ngoài ra việc đưa cổ phiếu của Công ty giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán niêm yết sẽ đem lại nhiều lợi ích như: Công ty dễ dàng huy động vốn từ thị trường; việc công bố thông tin của Công ty thêm minh bạch, tạo tác động tích cực cho hình ảnh của Công ty đến công chúng; nâng cao tính thanh khoản, giá trị cổ phiếu của Công ty... Do đó, Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu HNA từ hệ thống giao dịch UPCOM sang đăng ký niêm yết cổ phiếu. Cụ thể:

- Thực hiện hủy đăng ký giao dịch toàn bộ cổ phiếu HNA trên hệ thống giao dịch UPCOM và chuyển sang đăng ký niêm yết khi Công ty đáp ứng đủ điều kiện niêm yết theo quy định pháp luật;
- Thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết: bắt đầu từ Quý 2 năm 2023.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty:
 - ✓ Lựa chọn thời điểm phù hợp nộp hồ sơ đăng ký niêm yết;

- ✓ Lựa chọn đơn vị tư vấn niêm yết;
- ✓ Phê duyệt hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định;
- ✓ Quyết định và thực hiện các thủ tục, quy trình theo quy định pháp luật liên quan đến việc hủy đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM và đăng ký niêm yết cổ phiếu;

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Số: 193 /TTr-HHC-HĐQT

CỘNG HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 27 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định khác của Công ty. Theo quy định Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty sẽ được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Để chuẩn bị cho công tác bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na nhiệm kỳ 2023-2028 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

I. Thực trạng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023

1. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 05 thành viên, hiện trạng như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày hết nhiệm kỳ HĐQT
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	19/4/2018	Hết nhiệm kỳ vào thời điểm ĐHĐCĐ năm 2023
2	Bùi Huy Thành	Thành viên HĐQT	01/01/2023	Hết nhiệm kỳ vào năm 2028
3	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	19/4/2018	Hết nhiệm kỳ vào thời điểm ĐHĐCĐ năm 2023
4	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	19/4/2018	Hết nhiệm kỳ vào thời điểm ĐHĐCĐ năm 2023
5	Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT độc lập	19/4/2018	Hết nhiệm kỳ vào thời điểm ĐHĐCĐ năm 2023

2. Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 03 thành viên, hiện trạng như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày hết nhiệm kỳ BKS
1	Võ Trung Chính	Trưởng BKS	12/9/2022	Hết nhiệm kỳ vào thời điểm ĐHĐCĐ năm 2023
2	Văn Tuấn Thạch	Kiểm soát viên	19/4/2018	Hết nhiệm kỳ vào thời điểm ĐHĐCĐ năm 2023
3	Lê Văn Anh	Kiểm soát viên	12/9/2022	Hết nhiệm kỳ vào thời điểm ĐHĐCĐ năm 2023

II. Cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028: 05 thành viên (01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT, trong đó có ít nhất 01 thành viên HĐQT độc lập).

Hiện nay, ông Bùi Huy Thành - Thành viên HĐQT được Đại hội đồng cổ đông bầu kể từ ngày 01/01/2023 và nhiệm kỳ đến năm 2028, do đó tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 bầu 04 thành viên HĐQT.

2. Cơ cấu Ban kiểm soát

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028: 03 thành viên (01 Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và 02 Kiểm soát viên).

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 bầu 03 thành viên.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành